



# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Phạm Ngọc Lân

Vấn Đề Trong Tháng

## Sức đổi mới của những chế độ cộng sản: bài học Đông Đức

Từ hơn một tháng nay, thủ tướng Đức, Helmut Kohl, người được hầu như cả thế giới kính phục vì thành tích ông "bôn tập" thống nhất nước Đức đang mất dần lượng thiện cảm rất lớn mà ông đã mau lẹ tích lũy trong khoảng chỉ một năm, từ tháng 11-1989 đến đầu tháng 12-1990. Những lời ông hứa sẽ mang lại phần vinh cho Đông Đức không còn hòa nhịp với những tiếng reo mừng của dân chúng cả hai miền chào đón vang dậy "Deutschland einig Vaterland" (Tổ quốc Đức thống nhất) như mùa xuân năm 1990 nữa và nay đã quay lại chia mũi dùi vào ông, tạo nên cảm tưởng ông lại lâm vào tình trạng khó khăn ông đã gặp năm 1989, trước khi xảy ra biến cố Đông Âu.

Bức tường ở nhục Bá Linh gục đổ, xóa đi hình ảnh một thế giới cầm nín, ngột ngạt, ghê rợn của chế độ cộng sản nhưng đồng thời

cũng lại để lộ ra một thế giới ảo não, tiêu điều của nghèo túng, ngưng đọng: những xóm làng xám ngắt, những bức tường, hàng cây đen kịt vì ô nhiễm, những đường phố lát đá gập ghềnh không bảo trì, những xí nghiệp bỏ hoang im lìm không tiếng động, những căn nhà đổ nát với mặt tiền loang lổ và những xà ngang hoen rỉ, những con đường sắt bị bóc khỏi mặt đất... Bây giờ họ mới thấy thấm thía sự khác biệt phủ phàng giữa mộng với thực, mới hiểu được rằng không dễ gì một sớm một chiều xóa sạch được một thực tại xã hội dù trong thâm tâm, họ đã dứt khoát vứt bỏ.

Họ đã hoan hô Helmut Kohl vì họ hy vọng ông mang tới cho họ phép lạ của đổi thay. Nhưng sau hơn sáu tháng chờ đợi, nhìn về tương lai chỉ thấy các đe dọa đủ loại ngày càng hiện rõ. Xí nghiệp lần lượt đóng cửa, công nhân bị sa thải hàng loạt. Vốn đầu tư không ai chịu xuất. Chương trình giải tư đại qui mô Treuhand với tham vọng biến hàng vạn xí nghiệp quốc doanh thành xí nghiệp tư dấm chân tại chỗ. Trợ cấp thất nghiệp tuy được trả đều nhưng lãnh tiền mà không có triển vọng tìm lại được việc làm thì cũng chỉ như được chích thuốc hồi sinh. Ngọn gió của giàu sang, dư thừa hình như chưa bắt đầu thổi vào Đông Đức tuy trên danh xưng miền này đã trở thành "Năm Tiểu Bang Mới" (FNL) của Cộng Hòa Liên Bang. Và Helmut Kohl bị coi như có trách nhiệm vì đã thất hứa, đã đem con bỏ chợ, không nhìn ngó gì tới dân Đông Đức là những người đã ạt bỏ phiếu cho ông trong cuộc bầu cử tháng 12-1990. Từ nhiều thành phố, Erfurt, Dresden, Berlin, Leipzig, Riesa, Eisenhüttenstadt, Magdeburg v.v... đám quần chúng một năm trước đây xuống đường ôn hòa truất phế Honecker và ào ạt hoan hô Helmut Kohl nay lại tái xuất hiện để biểu lộ sự phản nộ đối với chính Helmut Kohl.

Nhiều câu hỏi đang được đặt ra là liệu Helmut Kohl có trách nhiệm về sự chậm trễ trong việc đổi mới năm "Tiểu Bang Mới" và liệu có thể thực hiện được dự định đổi mới phần đất này của nước Đức hay không?

Giải đáp những câu hỏi đó là rút ra được một bài học lý tưởng về sức đổi mới của những chế độ cộng sản muốn dân chủ hóa thật sự (có ước lượng đúng được sức đổi mới của nó mới có thể tìm được cho nó cách đổi mới thích hợp và bảo đảm có kết quả). Lý

### Trong số này

1. Vấn đề trong tháng:

**Sức đổi mới của những chế độ cộng sản...**

3. Vì đất nước hôm nay và ngày mai:

**Đề đóng góp cho thắng lợi của dân chủ**

*Nguyễn Gia Kiểng*

7. Chương trình cấp bách của Phan Đình Diệu

*Nguyễn Quốc Sơn*

10. Dương Thu Hương

*Thụy Khuê*

12. Chiến tranh và hòa bình

*Phạm Sử*

13. Thời sự- Tin tức

17. Con nhện vương to

*Đặng Tiến*

19. Độc giả viết

20. Sở tay: **Vấn đề cao cả**

*Thụy Khuê*

tướng, bởi vì Đông Đức là một chế độ cộng sản độc nhất hội đủ ba điều kiện: a/Đông Đức là nước cộng sản mà hiệu năng kinh tế được xếp vào bậc nhất nhì trong phe xã hội chủ nghĩa; b/ngay từ lúc khởi đầu, chính cộng sản Đông Đức đã dứt khoát lấy những lựa chọn kinh tế, chính trị mở đường cho dân chủ tự do; c/Đông Đức lại được Tây Đức, một cường quốc lớn phương Tây bao cấp, tiếp dẫn để "sang sông". Với những lợi thế đó tại sao kinh tế Đông Đức vẫn chưa được phục hưng, xã hội Đông Đức vẫn chưa chuyển bước để rời khỏi vũng lầy xã hội chủ nghĩa?

Nhiều nhận định đã được đưa ra trong khuôn khổ nghiên cứu hiện tượng đổi mới Đông Đức. Có ba luồng dư luận đáng chú ý.

Trước hết là loạt nhận định nhằm chứng minh rằng Helmut Kohl là một thầy lang vườn. Cách điều trị bạo tợn (thérapie de choc) của ông đã làm cho con bệnh bị công phạt vì thuốc mà không chữa lành được bệnh. Với thỏa ước "Liên Hiệp Tiền Tệ, Kinh Tế và Xã Hội" ký kết ngày 18-5-1990 giữa Tây Đức và Đông Đức, ông đưa thẳng và ngay tức khắc cả một hệ thống kinh tế thị trường vào một môi trường xã hội hoàn toàn xa lạ với lối sinh hoạt này, đồng thời ngược lại ông buộc cả một hệ thống kinh tế kế hoạch phải chuyển hóa thành một hệ thống tự do kinh doanh.. Do đó sự kiện đồng Đông Mã (Ostmark) một đổi một với đồng Đức Mã (Deutschmark) tất yếu làm cho con bệnh Đông Đức phải lên cơn sốt vì bắt đầu nếm mùi luật chơi cạnh tranh. Tiền chữa chạy còn phải bỏ ra khoảng từ 500 đến 2.000 tỷ Đức Mã và may lắm cũng phải tới năm 2005 mới hy vọng khỏi bệnh nếu không mắc cố tật "chậm tiến" (như vùng Mezzogiorno của Ý). Trước viễn tượng đen tối đó, dân Tây Đức đả ra oán trách Helmut Kohl đã lừa dối họ khi ông kê đơn cho Đông Đức. Còn dân Đông Đức thì ngoài cơn sốt kinh tế lại lên thêm cơn sốt tinh thần vì lo sợ những bất trắc sẽ xảy đến trong một tương lai không xa (mùa thu sẽ tới với hơn 3 triệu người thất nghiệp; chỉ mới có hơn 400 trong số hơn 9.000 xí nghiệp được giải tư).

Loạt nhận định thứ hai nhằm vào chương trình giải tư đại qui mô hoạch định cho Đông Đức. Một vài lý thuyết gia kinh tế cho rằng kế hoạch giải tư này đã tạo nên những hiệu lực trái với những mục tiêu nó theo đuổi. Thay vì khuyến khích các tư nhân đầu tư, kế hoạch ấy trong thực tế đã chỉ làm nản lòng những ai muốn đầu tư. Bởi vậy cho đến nay rất ít nếu không hẳn là không có tư nhân quyết định đầu tư ở Đông Đức. Sự e dè này không phải không có lý do chính đáng. Thật vậy kế hoạch giải tư này dự trù trả lại cho những sở hữu chủ hay những người thừa kế của họ những của cải bị tước hữu dưới chế độ cộng sản (1949-1989) cũng như dưới chế độ quốc xã (1930-1945). Vì thế số đơn đòi của lên tới hàng triệu nghĩa là nhiều hơn số của cải phải hoàn trả. Đã vậy theo với thời gian, các văn thư, bằng khoán bị thất tán, đó là chưa kể những trường hợp bị cố ý tiêu hủy. Muốn khắc phục những trở ngại này phải có những cơ quan đủ khả năng chuyên môn, đủ nhân viên có công tâm đứng ra đảm đương công việc, điều hiện nay trước mắt Đông Đức không có. Nếu tính kỹ càng không ai muốn đầu tư vào những của cải có cơ phải trả lại cho những sở hữu chủ cũ! Tại sao không dùng giải pháp bồi thường thay vì giải pháp hoàn trả? Tại vì giải pháp bồi thường đi ngược lại thỏa ước 18-5-1990.

Hai cách nhìn này thiên về kinh tế học thuần túy. Việc chính ở đây không phải là việc thẩm lượng tài người chữa bệnh mà là xem xét tình trạng sinh lý của con bệnh. Chế độ cộng sản Đông Đức tự nó có đủ sức đổi mới hay không?

Theo loạt nhận định thứ ba thì một chế độ cộng sản tự nó không đủ sức đổi mới để tự chuyển hóa thành một chế độ tự do dân chủ. Nhân loại có hơn 70 năm để so sánh hai chế độ và những gì đã xảy ra ở Liên Xô cũng như ở Đông Âu buộc ta phải công nhận tính hơn hẳn của chế độ tự do dân chủ.

Kết luận này dựa trên hai cơ sở, một về lý thuyết, một về thực tế.

Về mặt lý thuyết, chủ nghĩa mác-xít, hiểu theo cả nghĩa rộng của danh từ, đã lôi con người ra khỏi đời sống thực tế và tái tạo con người ấy bằng những "phạm trù, khái niệm, nguyên lý, luật tắc, giáo điều v.v". Chủ nghĩa mác-xít đã khoác cho con người "áo trời" (camisole) rồi thả nó trở lại đời sống thực tế trong tư thế bị trời như những bệnh nhân mắc chứng điên. Một nền kinh tế thị trường tự do không thể tổ chức được trong một môi trường những người điên. Phải cởi trời cho tất cả những con người sống dưới chế độ cộng sản, phục hồi và tôn trọng giá trị của từng cá nhân một và phải để cho đời sống gắn liền với con người một cách tự nhiên. Như vậy từ xuất phát điểm đã có sự khác biệt về bản chất giữa hai chế độ tự do và cộng sản và một chế độ cộng sản không có sức tự chuyển hóa thành một chế độ tự do nếu không thay đổi từ gốc rễ.

Về mặt thực tế, hãy lấy thực tại Đông Đức làm đối tượng quan sát. Nhà Nước Đông Đức là sở hữu chủ đến 90% công cụ sản xuất. Từ máy móc trang bị cho tới kỹ thuật sản xuất, khi phải đổi đầu với Tây Đức và các nước phương Tây đều trở thành lạc hậu. Những quan hệ kinh tế "anh em" với Liên Xô, với Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế (COMECON) nay không còn nữa. Thị trường quốc nội ngày càng thu hẹp vì dân chúng đổ xô mua đồ "ngoại" nghĩa là "made in 'Western' Germany"! Nói tóm lại khả năng sản xuất của bộ máy sản xuất của Đông Đức ngày càng xuống thấp mà không có hy vọng cải tiến. Lại nữa, từ chủ cho chỉ thợ, quen với nếp sống được bao cấp từ mấy chục năm, với những kiến thức chuyên môn đã hết hợp thời không còn là vốn quý để sản xuất và cạnh tranh nữa. Dù muốn hay không muốn, tất cả đang đi vào con đường triệt tiêu và những vốn liếng tích lũy sau bốn thập niên cách mạng nay chỉ còn là con số không. Vậy đừng chờ đợi một phép lạ kinh tế nào cho Đông Đức nếu những người cộng sản Đông Đức không muốn trả cái giá phải trả mà chỉ muốn trông đợi bàn tay cứu vớt "chị ngã em nâng" của Tây Đức.

Tình hình kinh tế xã hội Đông Đức làm ta liên tưởng đến Việt Nam, một nước cộng sản từng coi Đông Đức là thần tượng. Bài học Đông Đức có ba ý nghĩa: miêu tả để mọi người cùng nhìn thấy rõ một chế độ cộng sản tự nó không đủ sức đổi mới để trở thành tự do dân chủ, cảnh cáo những người cộng sản đừng mơ ước hão huyền việc cải cách hoặc giả tạo hoặc vá vúi nửa vời hòng duy trì bộ máy sản xuất và quản trị tập thể dưới dạng thức khác, danh xưng khác, nhắc nhở những người chống cộng sản đừng quên rằng muốn thay đổi hòa bình một chế độ cộng sản thành tự do dân chủ cần phải có bản lĩnh và nhất là cần phải có cách thuyết phục được chính những người cộng sản phải tự thay đổi.

Nếu lên bài học Đông Đức trước khi Đại Hội 7 đảng cộng sản Việt Nam nhóm họp là để xác quyết rằng sau ba lần sai lầm, 1945, 1954, 1975, những người cộng sản Việt Nam sẽ không còn cơ hội nào khác để trở lại với dân tộc và cùng tiến lên với dân tộc nếu lần này họ vẫn tiếp tục đi vào con đường cũ.

## Thông Luận

Mười sáu năm sau ngày 30-4-1975

## **Đề đóng góp cho thắng lợi của dân chủ**

*Nguyễn Gia Kiểng*

Sự thay đổi căn bản nhất và quyết định nhất của đất nước kể từ ngày 30-04-1975 cho tới nay, mười sáu năm sau, vẫn chưa được nhận thức một cách rõ rệt. Thiếu sót này đã là nguyên nhân của phần lớn những tranh cãi về chiến thuật, chiến lược cả trong nội bộ chính quyền cộng sản lẫn giữa những người đối lập. Đó là chiến thắng đã đổi phía. Miền Nam đã thắng và miền Bắc đã thua. Hai từ ngữ "miền Nam" và "miền Bắc" trước đây là hai thực thể nhà nước chống đối nhau nhưng ngày nay, và trong bài này, chỉ có ý nghĩa tượng trưng cho hai miền của một đất nước có hai quá khứ chính trị, hai nếp sống và hai mức độ phát triển khác nhau, và một phần nào đó tiêu biểu cho hai chọn lựa chính trị khác nhau.

### **Ai thắng ai?**

Cùng với ngày 30-04-1975 một thử nghiệm chưa từng có trên thế giới đã bắt đầu. Một xã hội cộng sản được đem hợp nhất với một xã hội không cộng sản cùng tầm vóc. Trước đó, xã hội cộng sản, tức là miền Bắc Việt Nam, được cả thế giới khen là hay còn xã hội không cộng sản tức là miền Nam Việt Nam bị cả thế giới chê là tồi nát. Sự kết hợp đã diễn ra một cách rất không công bình bởi vì một bên có toàn quyền định đoạt số phận của bên kia.

Cách đây 16 năm miền Bắc đã toàn thắng và đem áp đặt khuôn mẫu của nó lên miền Nam. Cái gì của miền Bắc cũng hay cả. Dù là đôi dép râu què kệch. Dù là chiếc nón cối xấu xí. Dù là cái hồ xí hai ngăn gồm ghiếc. Tất cả được đem vào miền Nam như những mẫu mực phải bắt chước để *xây dựng con người mới, xã hội mới*.

Nhưng thực tế đã nhanh chóng chứng tỏ rằng nếp sống của miền Nam hợp lý hơn nếp sống của miền Bắc, chuyên viên của miền Nam thạo nghề hơn chuyên viên của miền Bắc, các xí nghiệp của miền Nam có năng suất hơn các xí nghiệp của miền Bắc, cách làm việc của miền Nam hay hơn cách làm việc của miền Bắc và mức sống của miền Nam hơn rất xa mức sống của miền Bắc. Nói chung miền Nam hơn hẳn miền Bắc.

Chiến thắng 1975 của Bắc Việt là một chiến thắng rất kỳ cục. Miền Bắc tuy thắng trận nhưng lại nghèo khổ và kiệt quệ đến cùng độ trong khi miền Nam tuy bại trận mà lại giàu có, tràn đầy sức sống và tiềm năng. Cho tới nay chưa thấy tác giả nào nói lên một ý nghĩa rất đặc sắc của biến cố này là miền Nam đã thua vì còn sáng suốt trong khi miền Bắc đã thắng vì đã say đờn. Tuy nhiều yếu tố bên ngoài, đặc biệt là chính sách của Hoa Kỳ đã có ảnh hưởng lớn trên cuộc chiến, nhưng nói chung là vào những năm chót nhân dân miền Nam đã không muốn tiếp tục cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn nữa và vì thế quân đội miền Nam đã mất ý chí chiến đấu. Hiện tượng này trong chiều dài của lịch sử dân tộc phải được coi như là dấu hiệu của sức khỏe tinh thần của miền Nam chứ không phải là một sự khiếm khuyết và càng không phải là sự tín nhiệm đường lối của đảng cộng sản. Khi hai anh em ấu đả nhau một cách vô lý đã quá lâu, kẻ dừng lại chịu quả đấm cuối cùng để chấm dứt cuộc đánh lộn ngu xuẩn ấy là kẻ vừa sáng suốt vừa cam đảm. Can đảm để chịu đau và can đảm để chịu nhục. Nhiều người vẫn chưa hiểu được ý nghĩa đó và vẫn còn nhắc lại một cách chế diễu cảnh các quân nhân và công chức miền Nam xếp hàng ghi tên đi cải tạo. Nhưng có ai ý thức được rằng người miền Bắc còn bạc nhược hơn nhiều? Họ đã ngoan ngoãn để cho một nhóm người đốt nát và hủ lậu dẫn vào lò sát sinh như những người bị thời miền trong gần hai chục năm.

Chiến thắng của miền Bắc đã dẫn đến sự hội nhập của hai miền Nam Bắc. Khi có sự hội nhập của hai xã hội thì dù trong điều kiện nào đi nữa, trừ trường hợp một bên tiêu diệt hẳn bên kia, xã hội nào văn minh hơn, phát triển hơn cuối cùng cũng sẽ được đa số chấp nhận và cũng sẽ quyết định mô thức chung của cộng đồng mới. Chính vì vào năm 1975 miền Nam hơn hẳn miền Bắc cho nên miền Nam đã nhanh chóng chiếm được ưu thế trong mọi địa hạt kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước Việt Nam thống nhất. Nhân dân miền Bắc cũng đã dần dần chấp nhận những quan niệm kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân miền Nam. Từ thống nhất về mặt nhà nước Việt Nam đang dần dần tiến lên thống nhất về mặt tư tưởng và một trật tự kinh tế, văn hóa,

xã hội mới cũng thành hình.

Miền Nam, một lần nữa hiểu theo nghĩa một vùng địa lý và dạng tổ chức xã hội chứ không phải một thực thể chính trị, đã hoàn toàn thắng lợi. Chiến thắng này còn mãnh liệt hơn cả chiến thắng 1975 dù nó không có ngày kỷ niệm. Chiến thắng 30-04-1975 do xe tăng đem tới và bị sự phủ nhận của nhiều người. Chiến thắng hôm nay do thực tại đem tới và được sự đồng tình của cả nước.

### **Cuộc chuyển hóa chính trị tự nhiên và bắt buộc**

Trong một nước không có chiến tranh, trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội cuối cùng bao giờ cũng quyết định mô thức chính trị. Vì thế mà chế độ chính trị bắt buộc phải chuyển hóa để thích nghi với trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội mới. Trật tự chính trị được áp đặt năm 1975 là trật tự chính trị của kẻ thắng lúc đó, nghĩa là miền Bắc. Trật tự chính trị mới phải là trật tự chính trị của kẻ thắng hôm nay, nghĩa là miền Nam. Vì thế mà chế độ chính trị của Việt Nam phải đổi và phải đổi theo chiều hướng chấp nhận cái khuôn mẫu tổ chức xã hội như nhân dân miền Nam không ngừng đòi hỏi và nhân dân miền Bắc cũng đã bắt đầu đòi hỏi.

Xu hướng đổi mới chỉ có thể đảo ngược nếu trọng lượng so sánh của hai miền Nam và Bắc thay đổi, nghĩa là nếu miền Bắc, nơi mà khuôn mẫu Mác-Lênin đã được áp dụng chiếm được thế ưu thắng trên miền Nam, nơi mà cách làm ăn và suy nghĩ vẫn còn theo khuôn mẫu tư bản. Nhưng tất cả những gì ta đang thấy không những không chứng minh rằng miền Bắc có triển vọng bắt kịp miền Nam mà trái lại còn cho thấy miền Bắc càng ngày càng bị bỏ xa hơn nữa. Mức sống của miền Nam ngày nay đã cao ít nhất gấp ba lần miền Bắc và đang có chiều hướng vượt xa hơn nữa. Các hoạt động kinh tế càng ngày càng tập trung tại miền Nam, những đầu tư của người nước ngoài phần lớn cũng sẽ chỉ tập trung ở miền Nam. Riêng thành phố Sài Gòn đã tập trung 40% tổng sản lượng công thương nghiệp quốc gia. Miền Nam còn có một đồng minh vô cùng quý giá là cộng đồng người Việt hải ngoại mà phần lớn những ràng buộc tình cảm và gia đình đều ở dưới vĩ tuyến 17. Hơn thế nữa chọn lựa chính trị của nhân dân miền Nam còn được hưởng sức đẩy của trào lưu tiến hóa chung của thế giới trong đó tự do, dân chủ và đa nguyên đang trở thành những giá trị hiển nhiên không thể bàn cãi. Chính vì thế mà miền Nam sẽ càng ngày càng áp đảo miền Bắc, và cũng chính vì thế mà xu hướng chuyển hóa về một thể chế phù hợp với nguyện vọng của miền Nam không những không thể đảo ngược được mà còn mạnh mẽ thêm với thời gian. Và lại lúc này đại bộ phận nhân dân miền Bắc cũng đã chia sẻ cùng những nguyện vọng chính trị với nhân dân miền Nam rồi, cho nên vấn đề trở lại khuôn mẫu Mác-Lênin, ngay cả khuôn mẫu Mác-Lênin tân trang, không đặt ra được nữa.

Đó là đợt sóng ngầm vô cùng mãnh liệt đang thúc đẩy tiến trình chính trị của nước ta. Đó là động cơ thực sự của hiện tượng đang được gọi là đổi mới. Ý nghĩa sâu xa của trào lưu đổi mới hiện nay là như thế. Đây hoàn toàn không phải là một chính sách mà chỉ là một tiến trình tự nhiên và bắt buộc trong đó một chế độ không còn hợp thời dù có vùng vẫy để chống trả nhưng cũng vẫn buộc phải nhượng bộ thực tại và chuyển mình để phù hợp với một trật tự kinh tế, văn hoá, xã hội mới. Mỗi nhượng bộ lại có tác dụng khuyến khích làm cho tiến trình càng thêm sức mạnh và vận tốc.

Những người lãnh đạo đảng cộng sản vẫn tiếp tục gào thét phải giữ chặt chuyên chính, phải ôm chặt lấy chủ nghĩa Mác-Lênin. Nguyễn Văn Linh, người từng được coi như là điển hình cho khuynh hướng đổi mới trong đảng, qua tất cả các bài viết và bài nói đã không làm gì khác hơn là xác nhận lại lập trường cộng sản giáo điều. Từ đại hội bất thường của Trung Ương Đảng hồi tháng 3-1989 tập đoàn lãnh đạo đảng đã mở chiến dịch chống chủ đa nguyên, và từ tháng 7-1990, còn ra chỉ thị cấm tuyệt mọi thảo luận về đa nguyên đa đảng. Tóm lại, không có bất cứ một ý chí đổi mới chính trị nào được các lãnh tụ cộng sản Việt Nam phát biểu cả mà trái lại chỉ thấy sự lặp đi lặp lại những tin điều đã cũ kỹ một cách đáng thương hại. Tuy vậy e-kíp của ông Linh đã bị những thực tại của đất nước bắt buộc làm những nhượng bộ quan trọng với dân chúng trong nước. Kể từ mùa hè 1988, mặc dù nhóm thủ cựu đã trở lại một cách hùng hậu, nhưng họ cũng vẫn bị bắt buộc phải làm những nhượng bộ mỗi ngày một nhiều hơn và càng ngày càng quan trọng hơn. Nếu có một điều đáng nói trong hai năm qua thì điều đó là tiến trình đổi mới của đất nước hoàn toàn trái ngược hẳn với những chọn lựa chính trị của ban lãnh đạo đảng cộng sản. Tiến trình đổi mới về bản chất của nó là một sự công phá liên tục vào những đặc quyền của đảng cộng sản nhằm tước bỏ dần dần những đặc quyền ấy và đảng cộng sản đã phải liên tục thối lui bởi vì không kháng cự nổi. Đảng cộng sản đã phải nới lỏng sự kềm kẹp, đã phải đi những bước quan trọng về hướng một nhà nước pháp trị với việc ban hành một số luật lệ về hình sự, công nghiệp, đầu tư, ngoại thương. Những nhượng bộ này lại càng tạo điều kiện cho những đòi hỏi dân chủ hóa mới, mạnh mẽ hơn và rõ rệt hơn. Trái với sự lo ngại của một số người, đảng cộng sản không lùi một bước để tiến hai bước mà chỉ lùi một bước để rồi sẽ lùi thêm hai bước nữa, và cứ như thế cho đến lúc kiệt sức và ngã xuống, trừ khi biết khôn ngoan đầu hàng để chấm dứt cuộc chống trả vô vọng và nguy hiểm này.

Các trí thức từng là cộng sản hay từng ủng hộ đảng cộng sản đã ý thức được rằng chế độ không thể tiếp tục như hiện nay, họ đã hiểu rằng phải đổi mới hoàn toàn đời sống chính trị. Càng ngày càng có thêm những người dám thẳng thắn phát biểu rằng Việt Nam phải chuyển biến về một thể chế

đa nguyên đa đảng và đảng cộng sản Việt Nam phải từ bỏ độc quyền chính trị. Mới cách đây một hai năm Lý Chánh Trung, Nguyễn Khắc Viện, Trần Văn Giàu, Trần Xuân Bách, Nguyễn Hộ còn được coi là những tiếng nói canh tân lớn; ngày nay họ đã bị qua mặt bởi những Bùi Tín, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương. Trong những ngày tới đây chắc chắn sẽ còn nhiều tiếng nói đồng dạng mới.

## Đối lập Việt Nam cần lạc quan hơn

Về phía đối lập nhiều người vẫn chưa nhận ra bản chất của cuộc chuyển hóa lớn hiện nay và vẫn tiếp tục bị quan cho rằng đổi mới chỉ là một chiêu bài giai đoạn của đảng cộng sản để đương đầu với những khó khăn hiện tại, khi nào lấy lại được sức lực đảng cộng sản sẽ siết lại ngay tức khắc. "Đổi Mới" tóm lại chỉ đồng nghĩa với "Thu Đoạn Mới". Kết luận hiển nhiên là ta không nên ngây thơ để cho ban lãnh đạo cộng sản lừa bịp một lần nữa mà phải bẻ gãy mọi cố gắng mở cửa ra bên ngoài của chế độ cộng sản để tiếp tục cô lập nó và khiến cho sự sụp đổ của nó sớm xảy ra.

Đĩ nhiên là những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam, dù là Nguyễn Văn Linh, hay Mai Chí Thọ, hay Đỗ Mười v.v... đều chẳng ai thực sự muốn đổi mới cả và đều sẵn sàng nắm lấy cơ hội đầu tiên để siết lại sự kiểm soát của đảng. Không ai làm lẫn trên vấn đề này cả và không ai ngây thơ cả. Nhưng trào lưu đổi mới trong nước không nằm trong một ý đồ nào cả, nó không phải do ban lãnh đạo đảng cộng sản, mà là một chuyển hóa bắt buộc của xã hội Việt Nam trong đó chế độ chính trị bị bắt buộc phải thay đổi để thích ứng với một trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội mới mà những người cầm đầu đảng không những không muốn mà còn lo sợ, nghĩa là một trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội dân chủ đa nguyên. Nó là một tiến trình không ở ý muốn của ban lãnh đạo đảng cộng sản mà ra nên cũng không thể vì ý muốn của ban lãnh đạo đảng cộng sản mà chấm dứt. Nó là một tiến trình không thể đảo ngược được và sẽ chỉ hoàn thành khi chế độ chính trị đã hoàn toàn thích nghi với trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội mới; nói một cách khác khi một chế độ dân chủ đa nguyên đúng nghĩa của nó đã thành lập xong. Sở dĩ tiến trình đổi mới vẫn tiếp tục là vì nó đã mạnh hơn đảng cộng sản.

Sau đại hội 7, đảng cộng sản chắc chắn sẽ phải làm thêm một nhượng bộ chiến lược quan trọng khác là nhìn nhận sự cần thiết của hòa giải và hòa hợp dân tộc. Một cuộc tranh cãi lớn sắp diễn ra mà trong đó lần này đối lập Việt Nam đã đi trước và nắm phần chủ động. Hàng loạt câu hỏi sẽ được đặt ra. Có thể nào có hòa giải mà vẫn giữ nguyên chế độ độc tài độc đảng hay không? Có thể nào có hòa giải trong một đất nước có hai loại người Việt Nam khác nhau - những người cộng sản có mọi độc quyền và phần còn lại

của cả dân tộc chỉ có quyền phục tùng - hay không? Có thể nào có hòa giải giữa những người đã xung đột nhau trong khi những người này vẫn tiếp tục căm đoán những người kia hay không? Có thể nào có hòa giải mà vẫn dùng bạo lực với nhau hay không, và nếu không thì có thể nào đối thoại trong khi những người này vẫn căm những người kia hiện diện hay không? Có thể nào có hòa giải mà không cần hàn gắn những đố vỡ đã gây ra hay không, và nếu không thì phải làm gì cho những người đã bị giết oan, đã bị tù đầy và hạ nhục, đã bị tước đoạt tài sản và lừa đi những vùng kinh tế mới? Nếu hòa giải dân tộc được coi là quốc sách thì có thể nào giao phó việc thi hành quốc sách đó cho những người đã từng là tác giả của những đố vỡ hay không? Bằng ấy câu hỏi, dù được đặt ra trong tinh thần khoan dung tới đâu đi nữa cũng vẫn đặt đảng cộng sản trong thế bí. Trong thập niên 1980 đảng cộng sản đã sa lầy nhiều lần. Họ đã sa lầy trên chiến trường Kampuchea, họ đã sa lầy trong chiến dịch chống dân chủ đa nguyên. Lần này họ sẽ ngạt thở trong trào lưu hòa giải dân tộc.

## Đề góp phần xứng đáng cho sự nghiệp dân chủ hóa đất nước

Đối lập dân chủ Việt Nam đang đứng trước một cơ hội lịch sử vô cùng thuận lợi và đồng thời cũng đang đứng trước những trách nhiệm lớn.

Chúng ta phải áp đặt đối thoại về một lịch trình dân chủ hóa. Nhưng trong hoàn cảnh hiện nay ngay cả nếu đảng cộng sản thực sự muốn đối thoại họ cũng không biết đối thoại với tổ chức nào trong số cả trăm tổ chức đối lập nhỏ bé cả về nhân lực lẫn phương tiện. Phải chăng chỉ còn một giải pháp là đảng cộng sản tự dân chủ hóa, tạo điều kiện để một số lực lượng đối lập ra đời và phát triển rồi trở thành những người đối thoại có trọng lượng? Như vậy là chờ đợi quá nhiều ở đảng cộng sản. Kết hợp là điều phải làm và phải làm nhanh. Đó cũng là điều có thể làm được. Xét cho cùng chúng ta cũng không có nhiều lựa chọn. Ngoại trừ những vấn đề có tính kỹ thuật trên đó không cần có nhất trí hoàn toàn, có ba câu hỏi lớn là có chấp nhận mục tiêu dân chủ đa nguyên hay không, có chấp nhận tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc hay không và có chấp nhận phương thức đấu tranh bất bạo động hay không? Trả lời giống nhau ba câu hỏi đó là có thể coi như cùng một lựa chọn và có thể hợp tác với nhau được trong cùng một liên minh. Thực ra vấn đề lựa chọn còn càng ngày càng đơn giản hơn. Phương thức đấu tranh bằng bạo lực, ngay cả để kết hợp với đấu tranh chính trị, đã lỗi thời và đang bị từ bỏ. Tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng đã được hầu hết mọi người chấp nhận. Đĩ nhiên chúng ta không mong đợi kết hợp được tất cả trong cùng một tổ chức, nhưng ít ra chúng ta cũng có thể tiến tới một số ít tập hợp lớn thay vì quá nhiều nhóm nhỏ. Giữa các tổ chức có tầm vóc với nhau đối thoại

sẽ dễ dàng hơn. Chính quyền cộng sản lúc đó cũng khó từ chối đối thoại hơn.

Một số khúc mắc cũng cần được giải quyết để đối lập dân chủ đa nguyên có thể vươn mình lớn dậy.

Cần xóa bỏ lần ranh quốc cộng do quá khứ để lại. Chủ nghĩa cộng sản đã chết và vì thế lập trường chống cộng cũng đã mất đối tượng. Vấn đề thực sự là chúng ta đang có một chính quyền độc tài cần phải chấm dứt. Lần ranh thực sự là giữa những người chấp nhận đa nguyên chính trị và những người không chấp nhận đa nguyên chính trị, giữa những người muốn đổi mới và những người không chịu đổi mới. Những phát biểu can đảm của những người từ trong lòng bộ máy cộng sản cho thấy rằng những sự phân chia quốc cộng không còn ý nghĩa trong cuộc đấu tranh giành tự do dân chủ hiện nay.

Đối lập dân chủ đa nguyên cần có sự hiện diện tích cực, rộng khắp và công khai ở trong nước. Như thế chúng ta không nên bài xích mà trái lại còn phải khuyến khích mọi giao lưu giữa trong và ngoài, kể cả những hoạt động kinh doanh của người Việt hải ngoại tại quốc nội. Chúng ta cần nhận định một cách thực tiễn rằng ngay cả nếu toàn bộ cộng đồng người Việt hải ngoại có nhất trí tẩy chay mọi hoạt động kinh tế với quốc nội đi nữa thì chọn lựa này cũng sẽ không thay đổi được tình thế, và không có ảnh hưởng trên quyết định đầu tư hay không đầu tư vào Việt Nam của các công ty ngoại quốc. Mặt khác, nếu người Việt Nam không có mặt trong hoạt động kinh tế thì các thế lực kinh tế nước ngoài sẽ hoàn toàn thao túng, đất nước sẽ mất chủ quyền kinh tế, dù sau này chúng ta có chính quyền nào đi nữa. Chúng ta cũng khó có thể đề nghị một chính sách kinh tế đúng cho đất nước nếu chúng ta không có mặt trong sinh hoạt kinh tế để nhận diện, được một cách chính xác những vấn đề đặt ra.

Đối thoại và thỏa hiệp là điều dĩ nhiên phải có, giữa những người hợp tác với nhau cũng như giữa những đối thủ chính trị một khi phương thức đấu tranh vũ trang đã bị gạt bỏ. Đối thoại với chính quyền cộng sản về một lịch trình thiết lập dân chủ là điều chắc chắn sẽ có. Nhưng mọi tổ chức, mọi cá nhân trách nhiệm cần phải cảnh giác để những gặp gỡ và trao đổi không xuất hiện như những hành động xé lẻ, đi đêm, chiêu hàng. Những gặp gỡ và đối thoại chỉ có ý nghĩa và tác dụng tốt nếu người đối thoại đại diện cho một tổ chức hay một khuynh hướng chính trị có sức mạnh.

Kết hợp là việc phải làm. Nhưng kết hợp không phải chỉ đơn thuần là một vấn đề của thiện chí. Chúng ta đã có rất nhiều thiện chí mà vẫn chưa hình thành được một kết hợp qui mô nào. Kết hợp đòi hỏi thời gian và kỹ thuật. Việc qui về một mối là điều không thể có bởi vì chúng ta chưa có một nhân vật nào hay một tổ chức nào đủ uy tín để làm điểm tập trung cho đối lập Việt Nam. Còn lại công thức kết hợp trên một lập trường chung, một dự án chính trị chung cho đất nước; giữa các tổ chức ngang hàng với nhau, tôn

trọng lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau trong đó mỗi tổ chức giữ nguyên bản thể, giữ nguyên sáng kiến, giữ nguyên tự do hoạt động và phát triển trên căn bản lập trường chung. Cách kết hợp này tuy chưa chặt chẽ nhưng có thể thực hiện được một cách nhanh chóng, có khả năng phối hợp thúc đẩy mục tiêu chung và nhất là có khả năng đồng ý trên những ứng cử viên chung trong những cuộc bầu cử tự do thế nào cũng diễn ra trong tương lai gần mà đối lập Việt Nam phải chuẩn bị ngay để giành thắng lợi.

Cũng cần phải chấm dứt lối làm chính trị nhân sĩ đã phá sản của người Việt Nam. Cho tới nay hình như có một sự đồng ý rất lớn là cách làm chính trị hay nhất là cố gắng tạo cho mình một uy tín, rồi tránh lấy thái độ dù chỉ là để bênh vực sự đúng đắn và phê phán sự sai trái, tránh làm phật ý để khỏi bị đả kích hay đốt cháy, và chờ đợi một cơ hội tốt. Cách làm chính trị này thực ra không mấy lương thiện. Nó đã khiến chúng ta có quá nhiều người muốn làm trù bị của quốc gia và có quá ít người nhận vai trò tiên phong và chủ lực với những rủi ro của nó. Nó đã khiến chúng ta không có được một lực lượng đối lập có tầm vóc mặc dầu có rất nhiều người đối lập. Nó đã dung túng những hành vi bất xứng làm nản lòng nhiều người có thiện chí và khiến quần chúng khinh thường hoạt động chính trị vào giữa lúc cần có những vận động chính trị lớn. Đất nước đang cần một thay đổi lớn và đang cần có những con người quả cảm, dám coi nhẹ chỗ đứng của mình, phát biểu mạnh dạn những gì mình nghĩ, quả quyết đấu tranh đấu với những tổ chức mà mình thấy là đúng đắn, đồng thời tôn trọng những chọn lựa của người khác. Những con người quả cảm dù khác chính kiến cũng vẫn tôn trọng lẫn nhau. Và sự kính trọng lẫn nhau chắc chắn sẽ đem lại phẩm giá cho hoạt động chính trị và những người đấu tranh chính trị.

Lịch sử sẽ không dành cho ngày 30-4-1975 một chỗ đứng vinh quang. Dân tộc Việt Nam không có lý do gì để hãnh diện về ngày 30-4-1975 và về cuộc chiến mà nó kết thúc. Cuộc chiến này đã chỉ tàn phá đất nước Việt Nam và làm đổ máu Việt Nam trong ba mươi năm để rồi bài tiết ra một trong những chế độ độc tài gian trá và tồi dở nhất thế giới.

Bước vào năm thứ mười bảy của chế độ cộng sản chúng ta có thể lạc quan rằng đất nước đã tiến được một đoạn đường rất dài về dân chủ và chế độ độc tài sắp cáo chung. Nhưng chúng ta cũng phải bùi ngùi nhìn nhận rằng tiến bộ này đã chỉ do phản xạ tập thể tốt của quần chúng, do những biến đổi của thế giới và do sự tồi dở của những người lãnh đạo chế độ độc tài cộng sản mà có, chứ không phải là thành quả của một vận động qui mô nào. Nhưng chính vào lúc mà chúng ta nhận ra sự kém cỏi của mình thì cũng là lúc chúng ta bắt đầu có thể có những đóng góp lớn.

**Nguyễn Gia Kiểng**

# Chương trình cấp bách của Phan Đình Diệu

Nguyễn Quốc Sơn

Nguyễn Quốc Sơn, 47 tuổi, giám đốc nghiên cứu tại Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học Pháp (CNRS), giảng dạy môn cơ học tại trường Đại Học Bách Khoa Paris (Ecole Polytechnique), là một thành viên ban biên tập Thông Luận.

Ông Phan Đình Diệu là một khuôn mặt trí thức lớn trong nước. Từ vài năm qua, ông được biết đến ở hải ngoại qua những bài báo mạnh dạn đòi hỏi dân chủ. Quê ở Hà Tĩnh, 55 tuổi, tốt nghiệp tiến sĩ toán học tại Liên Xô, ông hiện là Phó Viện Trưởng Viện Khoa Học Việt Nam. Ông cũng là Ủy Viên Đoàn Chủ Tịch Mặt Trận Tổ Quốc, và đã hai lần làm đại biểu Quốc Hội (lần thứ hai bị cho ra vì đã đề nghị ông Lê Duẩn thôi chức Tổng Bí Thư Đảng). Tháng 3-91, ông viết bài "Kiến nghị về một chương trình cấp bách" gửi các Ủy Viên Bộ Chính Trị, Chủ Tịch Mặt Trận Tổ Quốc, và các báo, đài. Bị các cơ quan truyền thông trong nước ếm nhèm, bài này đã lọt được ra ngoài nước và đang được phổ biến rộng rãi trong cộng đồng người Việt hải ngoại.

Sau ông Bùi Tín gửi "kiến nghị của một công dân" từ Paris với cái giá là bị khai trừ khỏi đảng và bị cất chức Phó Tổng Biên Tập báo Nhân Dân, sau ông Nguyễn Khắc Viện gửi thư cho Chủ Tịch Mặt Trận Tổ Quốc kêu gọi những nhà lãnh đạo hiện nay tự ý rút lui, sau ông Hoàng Minh Chính góp ý kiến về Dự thảo cương lĩnh và đòi dẹp bỏ chủ nghĩa xã hội, nay ông Phan Đình Diệu đưa ra một chương trình cấp bách "nhằm khắc phục khủng hoảng và tạo điều kiện lành mạnh cho sự phát triển đất nước".

Sau với ba trường hợp trước, hiện tượng Phan Đình Diệu có một điểm khác biệt căn bản: Phan Đình Diệu không phải là đảng viên đảng Cộng Sản Việt Nam, mặc dù đã nhiều lần được mời vào đảng. Bản kiến nghị của ông không đá động gì đến "Dự thảo cương lĩnh" và "Chiến lược kinh tế", và cũng chỉ nói tới đảng trong những đoạn thật cần thiết. Điều đáng chú ý là Phan Đình Diệu đã đưa ra một số những đề nghị cụ thể về kinh tế và chính trị áp dụng cho thời gian chuyển tiếp hai năm 1991 - 1992, chuẩn bị cho đất nước bước vào một kỷ nguyên mới, trong đó những ý niệm "chuyên chính vô sản", "dân chủ tập trung", "kinh tế phi hàng hóa" sẽ lui về quá khứ cùng với một giai đoạn lịch sử đen tối nhất của đất nước.

Bản kiến nghị của Phan Đình Diệu gồm bốn phần, 14 trang đánh máy(\*), có thể tóm lược các ý chính như sau:

## I. Tình hình khủng hoảng toàn diện của nước ta hiện nay

Về **thực trạng xã hội**, "sự quản lý tập trung nhưng bất lực làm tê liệt một phần lớn những năng lực thực sự của đất nước, đồng thời tạo ra **sự hỗn loạn và đối trá** trong mọi mặt hoạt động kinh tế và xã hội".

Về **quá trình đổi mới**, "do chưa được nhận thức trên một cơ sở lý luận khoa học nhất quán, lại vấp phải phản ứng bảo thủ của những thế lực bám giữ đặc quyền, nhất là trước các biến chuyển tại Đông Âu và Liên Xô, quá trình đổi mới trên nhiều mặt đã bị chững lại. Đổi mới về kinh tế được thực hiện nửa vời, khi buông ra khi xiết lại, không tạo được sự tin cậy cho những phát triển lành mạnh, trong khi đó xu thế hỗn loạn vẫn không được khắc phục. Về chính trị, mọi quyền tự do dân chủ, kể cả các quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và báo chí, lại bị cấm đoán nghiêm khắc". "Những nhà tư sản làm ăn chân chính chưa xuất hiện nhiều, nhưng đã nảy nở nhanh chóng một tầng lớp "tư sản lưu manh", cấu kết với đủ loại đặc quyền đặc lợi trong bộ máy quyền lực, thao túng và phá phách thêm nền kinh tế của đất nước".

Vì vậy, có  **yêu cầu cấp thiết**: "Kiên quyết và nhất quán trong việc xác định một mục tiêu hiện thực cho sự phát triển của đất nước và cũng kiên quyết, nhất quán trong việc thực hiện những biện pháp cần thiết, có thể là quyết liệt, để khắc phục khủng hoảng, gạt bỏ mọi cản trở, tạo lập một môi trường lành mạnh cho sự phát triển theo hướng mục tiêu đó".

## II. Mục tiêu: một nền kinh tế thị trường phát triển và một chế độ chính trị dân chủ, đoàn kết và hòa hợp dân tộc.

### 1. Quan niệm về mục tiêu.

"Các học thuyết kinh tế chính trị trong thế kỷ XIX đã đề xuất hai mô hình cực đoan: một bên là nền kinh tế thị trường với sự tự do cạnh tranh hoàn toàn và tuyệt đối, bên kia là phủ định lô gích của mô hình đó, tức là một nền kinh

tế phi hàng hóa với chế độ quản lý theo kế hoạch tập trung. Và nhân loại đã chứng kiến sự thử nghiệm trong cuộc sống các mô hình đó, với những đối kháng, tương tác và vận động của chúng. Trong thế kỷ XX, các nền kinh tế thị trường với cơ chế tự do cạnh tranh dần dần đã được bổ sung thêm ở những mức độ và tính chất khác nhau - yếu tố điều tiết tập trung của Nhà nước; các nền kinh tế phi hàng hóa với chế độ quản lý tập trung được thiết lập trong các nước "xã hội chủ nghĩa" kéo dài nhiều năm trong tình trạng trì trệ cho đến khi khủng hoảng dẫn tới sụp đổ, và hiện đang phải chật vật trở lại với cơ chế thị trường". "Một kiểu mô hình hợp lý có khả năng vươn tới các mơ ước về giàu có và công bằng là: **một nền kinh tế thị trường có sự điều tiết vĩ mô(\*\*) của Nhà nước cùng với một nền chính trị dân chủ, đoàn kết và hòa hợp dân tộc**. Đó là xu thế chung của thời đại, là mục tiêu phấn đấu của nhiều dân tộc. Chúng ta cũng cần xác định mục tiêu cho đất nước ta theo xu thế đó."

## 2. Một nền kinh tế thị trường phát triển có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

- "Kinh tế thị trường phát triển khi trong xã hội có tự do trao đổi hàng hóa giữa đồng đẳng các chủ thể kinh tế. Dĩ nhiên, mỗi chủ thể kinh tế phải là người sở hữu. Xét đến cùng, để phát triển kinh tế thị trường thì cần thừa nhận và tôn trọng quyền sở hữu tư nhân, kể cả về tư liệu sản xuất".

- "Việc chuyển sang kinh tế thị trường tất yếu phải đi kèm với một quá trình **tư nhân hóa**, đồng thời với việc thu hẹp khu vực kinh tế quốc doanh".

- "Trong nông nghiệp, cần thừa nhận quyền sở hữu ruộng đất của nông dân (người cày có ruộng)".

- "Chức năng của Nhà nước trong kinh tế là tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và nhịp nhàng của nền kinh tế thị trường, tạo cơ sở hạ tầng cho sự liên kết hệ thống của toàn bộ nền kinh tế, và điều tiết sự phát triển nền kinh tế ở tầm vĩ mô".

## 3. Một chế độ chính trị dân chủ, đoàn kết và hòa hợp dân tộc.

- Chế độ chính trị phải "tôn trọng các quyền tự do dân chủ của mọi người dân: quyền sống và mưu cầu hạnh phúc, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do đi lại và cư trú, quyền tự do tư tưởng và sáng tạo, quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí, quyền tự do ứng cử và bầu cử và các cơ quan quyền lực Nhà nước, quyền tự do hội họp, tự do lập hội, v.v..."

- "Chế độ chính trị dân chủ với việc bảo đảm các quyền cơ bản đó của công dân tự nó đã bao hàm sự thừa nhận tính **đa nguyên**".

- "Cần phải nhìn nhận một thực tế là không thể có dân chủ thực sự trong một chế độ có quy định trước sự độc quyền lãnh đạo của một đảng".

- "Nội dung đa nguyên là thừa nhận sự đa dạng về tư tưởng, về chính kiến, quyền tự do trao đổi và tranh luận giữa các tư tưởng và chính kiến khác nhau thông qua tự do ngôn luận và báo chí, thừa nhận sự tồn tại các tổ chức chính

trị và xã hội khác nhau bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng trong các cuộc bầu cử tự do để giành sự tín nhiệm của xã hội".

- "Thực hiện chế độ chính trị dân chủ thực sự như nói ở trên sẽ tạo điều kiện cho **đoàn kết và hòa hợp dân tộc** để cùng xây dựng đất nước".

## 4. Nhà nước.

- Phải là "một nhà nước dân chủ pháp quyền. Trong điều kiện của nước ta, hình thức thích hợp của Nhà nước pháp quyền đó nên là hình thức của **chế độ nghị viện (tức Quốc hội)**. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất (thực sự chứ không phải hình thức) đồng thời trực tiếp thực hiện quyền lập pháp. Quốc hội cử ra chính phủ (hành pháp) và Tối cao pháp viện (tư pháp), hai cơ quan này hoàn toàn độc lập với nhau và chỉ chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Điều mấu chốt ở đây là **Quốc hội phải được bầu ra bằng bầu cử thật sự tự do và công bằng**, không một đảng phái chính trị nào được quy định trước là có quyền tuyệt đối đứng trên Nhà nước và lãnh đạo Nhà nước."

## III. Những giải pháp cấp bách.

### 1. Yêu cầu và mục đích của một giải pháp.

"Trong tình hình khủng hoảng toàn diện hiện nay chưa thể tính đến những chiến lược dài hạn với những mục tiêu không có nội dung xác định, những chỉ tiêu kinh tế xã hội đẹp đẽ nhưng không có căn cứ thực tế cho mười, mười lăm năm sau. Điều cấp bách trước mắt là phải **kiên quyết khắc phục khủng hoảng, tạo lập một hoàn cảnh lành mạnh tối thiểu** cho sự hoạt động bình thường của một nền kinh tế thị trường, một nền chính trị dân chủ". "Ít nhất phải phải tính đến một số mục tiêu tối thiểu sau đây:

- "Giảm tỷ lệ lạm phát xuống dưới 10% hàng năm".

- "Cải cách triệt để tổ chức bộ máy nhà nước".

- "Tăng cường một bước khả năng đầu tư".

### 2. Các giải pháp kinh tế xã hội.

- "Kiên quyết chuyển sang nền kinh tế thị trường".

"Thừa nhận và bảo vệ **quyền sở hữu tư nhân**".

- "Giải pháp chủ chốt trong giai đoạn này là thực hiện **tư nhân hóa**".

- "Tổ chức lại hệ thống bộ máy Nhà nước". "Giảm biên chế và có khoản tiền trợ cấp cho những người ra khỏi biên chế". "Kiên quyết xóa bỏ mọi chế độ bao cấp về nhà cửa, xe cộ, phương tiện sinh hoạt, xóa bỏ mọi đặc quyền đặc lợi. Nhà nước không chi từ ngân sách cho cơ quan ngoài bộ máy Nhà nước (như các cơ quan đảng, đoàn thể...)" "Cần có **Ban thanh tra độc trách chống tham nhũng và độc quyền đặc lợi** do Quốc hội cử và chịu trách nhiệm trước Quốc hội".

- "Đặc biệt tăng cường và hoàn thiện hệ thống tài chính và ngân hàng".

### 3. Cải cách chính trị.

"Mục tiêu của ta là đi đến một chế độ chính trị dân chủ,



đoàn kết và hòa hợp dân tộc". "Chúng ta mong và tin rằng có con đường ổn định, hòa bình và hòa giải để đi đến mục tiêu đó". "Trong các năm 1991 - 1992 có thể thực hiện các biện pháp cải cách sau đây":

- "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được sự hỗ trợ của đảng CSVN, hiệp thương với mọi lực lượng của dân tộc, các nhân sĩ, trí thức trong nước và ngoài nước, để tiến hành **Đại hội dân tộc**, và các định hoạt chính trị có tính chất dân tộc khác, dưới tiêu đề và với mục đích chung là Đoàn kết và xây dựng đất nước".

- "Thành lập một **chính phủ cải cách** cho giai đoạn cấp bách 1991 - 1992, đó là một chính phủ mạnh gồm những người thực sự có năng lực và trí thức để thực hiện có kết quả các giải pháp kinh tế xã hội cấp bách cho giai đoạn khắc phục khủng hoảng".

- "Thực hiện đầy đủ một số **quyền tự do dân chủ**, đặc biệt là các quyền: tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và báo chí, tự do hội họp và lập hội (có những giới hạn quy định rõ ràng luật pháp để tránh việc ra đời các tổ chức phục thù, bạo lực)"

- "**Bầu cử Quốc hội thật sự tự do và công bằng vào năm 1992 hoặc đầu năm 1993**. Quốc hội sẽ xây dựng và thông qua Hiến pháp quy định chế độ kinh tế thị trường có điều tiết vĩ mô của Nhà nước và chế độ chính trị dân chủ, đoàn kết và hòa hợp dân tộc".

#### **4. Chuẩn bị chiến lược phát triển sau khi khắc phục khủng hoảng.**

"Chiến lược cho giai đoạn phát triển sẽ không còn là một chiến lược kiểu kế hoạch nhà nước tập trung như từng được vạch ra trước đây, mà sẽ mang nội dung có tính chất phân tích, dự báo, định hướng, đề xuất các biện pháp điều tiết vĩ mô của Nhà nước".

#### **IV. Đảng Cộng Sản Việt Nam và công cuộc cải cách**

"Việc lựa chọn lý tưởng cộng sản có lý do lịch sử của nó và đã có tác động tích cực trong công cuộc giải phóng dân tộc. Nhưng học thuyết về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội theo nguyên mẫu của nó cũng như theo mô hình thực tế trước đây mà ta đã theo, với tư cách là con đường xây dựng đất nước thì quả thực là một sự ngộ nhận và đã được chứng tỏ là không thích hợp với những đòi hỏi thực tiễn của nước ta, đòi hỏi đưa đất nước từ phong kiến, nghèo nàn, lạc hậu đi lên giàu có, tự do và hạnh phúc".

"Con đường tốt đẹp nhất cho dân tộc ta hiện nay là Đảng tự đổi mới và chủ động cùng toàn dân tộc thực hiện những cải cách triệt để, khắc phục khủng hoảng, xây dựng đất nước theo hướng phát triển kinh tế thị trường và một nền chính trị thực sự dân chủ. Đảng sẽ không còn đứng trên đầu một dân tộc bị mòn mỏi, kiệt quệ và cô lập, mà sẽ tự đặt mình nằm trong dân tộc, phấn đấu để luôn được tín nhiệm là bộ phận tiên phong của dân tộc, một dân tộc tự do, đầy sức lực và trí tuệ, hòa nhập với nhân loại văn minh".

\* \* \*

Đọc xong bản "Kiến nghị về một chương trình cấp bách", chúng ta không khỏi khâm phục Phan Đình Diệu ở lòng can đảm và cách nhìn sáng suốt của một người ở trong lòng chế độ.

Can đảm vì đã dám nêu lên một chương trình thực chất là bản án khai tử chế độ độc tài đảng trị hiện tại. Phan Đình Diệu đã đưa ra những đề nghị vượt lên trên những bàn cãi về chủ nghĩa, đã không đả động gì đến những tài liệu như "Dự thảo cương lĩnh" hoặc "chiến lược kinh tế xã hội" cũng như Đại hội sắp tới của đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong phần IV, ông khẳng định đảng phải "tự đổi mới, đổi mới về tư tưởng và nền tảng lý luận, đổi mới về tổ chức, đổi mới về việc xác định vị trí trong dân tộc". Đổi mới theo Phan Đình Diệu đề nghị thực chất là một cuộc lột xác, đảng sẽ chẳng còn gì là đảng cầm quyền hiện tại. Nhưng ông cũng đã khéo léo vượt nhẹ khi nói đến đảng như một "bộ phận tiên phong của dân tộc" nếu biết tự đặt mình trong lòng dân tộc.

Sáng suốt vì đã đưa ra những đề nghị về kinh tế và chính trị hợp tình hợp lý, với chủ ý rõ rệt là chuyển hóa một cách ít đổ vỡ nhất từ chế độ độc tài đảng trị sang một chế độ dân chủ đa nguyên. Dĩ nhiên, ta có thể không đồng ý trên nhiều điểm Phan Đình Diệu đưa ra, và có thể thảo luận nhiều và sâu hơn về những đề tài đó. Điều này lại là một chuyện khác, và không hề làm giảm giá trị của bản kiến nghị.

Chế độ độc tài đảng trị hiện nay như một cao ốc xấu xí và không còn công dụng cần phải phá bỏ để xây dựng những ngôi nhà khang trang và hữu dụng. Nhưng nếu không khéo, khi giật sập tòa cao ốc kia sẽ gây đổ vỡ cho cả môi trường chung quanh. Đề nghị của Phan Đình Diệu là tìm một kế hoạch, với những chuyên viên lành nghề, để đặt chất nổ như thế nào cho cao ốc sụp xuống mà không tổn hại gì đến những con người đang ở trong cũng như ở ngoài cao ốc đó.

Đáng chú ý nhất là đề nghị "cải cách chính trị" trong phần III về những giải pháp cấp bách. Với đề nghị trong vòng 2 năm, "**tiến hành Đại hội dân tộc**", "**thành lập chính phủ cải cách**", "**thực hiện quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội**", và "**bầu cử tự do trong năm 1992 hoặc đầu 1993**", Phan Đình Diệu đã đặt nền tảng cho một mô hình chuyển hóa chế độ. Mô hình này có thể dùng làm nền tảng thảo luận cho những người đối lập ở hải ngoại.

Chương trình cấp bách của Phan Đình Diệu có được áp dụng hay không, và nếu có thì được áp dụng tới đâu, đó lại là chuyện khác. Nó tùy thuộc vào ý chí của toàn dân trong và ngoài nước nói chung, và của những đảng viên sáng suốt và lương thiện trong đảng Cộng Sản Việt Nam nói riêng.

**Nguyễn Quốc Sơn**  
tóm lược

(\*) Độc giả muốn đọc nguyên bản xin cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ gửi tặng.

(\*\*) Régulation au niveau macro-économique

# Dương Thu Hương

Thụy Khuê

Ngày 19-4-1991, tin Dương Thu Hương bị bắt ngày 13-4-1991 đã được hai hãng thông tấn Reuter và AFP loan đi khắp nơi trên thế giới.

Việc cầm tù Dương Thu Hương ngày nay không còn là việc nội bộ của đảng cộng sản Việt Nam, là sự trừng phạt một đảng viên đã bị khai trừ, mà là sự chà đạp nhân quyền, béc bét tự do tư tưởng, trước mắt cộng đồng thế giới.

Sự tranh đấu của Dương Thu Hương cho nền tự do dân chủ trên đất nước đã gắn liền sinh mệnh của nhà văn với sinh mệnh của dân tộc. Bất Dương Thu Hương là thách đố với định mệnh dân tộc, là vi phạm quyền tự do tư tưởng của loài người.

Chúng ta, dù ở bờ này, bến nọ, không ai có thể làm ngơ, không ai có thể không phẫn nộ.

Một đóm lửa tự do bị dập vùi, sẽ có trăm nghìn ngọn đuốc khác nhóm lên, tay truyền tay tiếp nối, cho tới ngày đất nước bùng lên vòm hào quang tự do dân chủ.

Sau Nhân Văn Giai Phẩm, trí thức nước ta đã âm thầm cầm nín, chịu đựng trong một thời gian dài. Sự trừng trị nặng nề Nhân Văn Giai Phẩm đã làm chùn lòng giới cầm bút, và trí thức trong nước đã trải qua một giai đoạn khó khăn, trống vắng, mệnh mông, vì đã lạng lè cúi đầu trước sự độc tài chuyên chế của giai cấp lãnh đạo.

Sa mạc cầm nín kéo dài gần ba thập kỷ. Ba mươi năm sau, trí thức Việt Nam mới lại bùng dậy trong khoảng hai năm từ 1986 đến 1988 và Dương Thu Hương là một trong những ngọn đuốc soi đường.

Dương Thu Hương thuộc lớp người mới, sinh ra và trưởng thành trong những điều kiện khó khăn của tổ quốc, trong thiếu thốn, hy sinh và đau khổ, trên nhiều miền đất nước, qua nhiều lãnh vực nghệ thuật và tư tưởng: họ là những nhà lý luận phê bình, như Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Ngọc, Trần Độ..., những nhà văn như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Quang Lập..., những kịch tác gia như Lưu Quang Vũ..., những nhà thơ như Nguyễn Duy, Trần Vàng Sao..., những nhà điện ảnh như Trần Văn Thủy, những nhà trí thức như Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính, Bùi Tín, Phan Đình Diệu... và bao nhiêu người khác nữa... đã gióng lên tiếng kêu cứu, tiếng còi báo động của thế hệ trí thức, trước sự đổ vỡ, tha hóa của con người dưới chế độ độc tài, mục rữa vì những tệ đoan xã hội, chông chất những quyết đoán bất công, u tối và sai lầm từ nhiều thập kỷ.

Từ lớp người mới ấy, phát xuất những tư tưởng, gắn liền với những cái nhìn trung thực vào con người, vào cuộc sống. Họ đánh giá sự thất bại của cái xã hội đã hoại thai mình, bằng thái độ thẳng thắn đến độ lạnh lùng, đôi khi gay gắt, để thức tỉnh mọi người, để

cảnh giác xã hội, để tìm một lối thoát cho quê hương đã cận đường, tuyệt lộ.

Những tư tưởng bắt nguồn từ những cội rễ sâu xa như thế, không dễ gì mà dập tắt cho được.

Dương Thu Hương sinh năm 1947, được nuôi dưỡng trong hào quang chiến thắng thực dân Pháp của Cách Mạng Tháng Tám. Dương Thu Hương là đảng viên, tin vào chế độ, nhiệt thành đóng góp tuổi trẻ của mình vào công cuộc "đánh Mỹ, lật ngụy".

Năm 1977, trong truyện ngắn *Những Bông Bần Ly*, Dương Thu Hương còn tin rằng ở miền Bắc, không có một thế lực đen tối nào tồn tại để uy hiếp hạnh phúc con người, và trong truyện ngắn *Chân Dung Người Hàng Xóm* (1979), Dương Thu Hương dùng lối viết tuyên truyền một chiều miệt thị người Trung Quốc, lúc đó là kẻ thù, trong cuộc chiến Việt-Hoa.

Mười năm sau, Dương Thu Hương thoát khỏi những ngày thơ, những ảo tưởng để nhận diện con người, nhận diện cuộc đời một cách trung thực và chân thực.

Từ đó đến nay, Dương Thu Hương xuất hiện trên văn đàn dưới hai góc độ: *Nhà văn Dương Thu Hương* trong những truyện ngắn, truyện dài và *Nhà trí thức Dương Thu Hương* trong những bài tham luận.

Nhà văn Dương Thu Hương, xuất sắc trong tập truyện ngắn *Chân Dung Người Hàng Xóm* (viết trong thời kỳ còn tin tưởng vào chế độ cộng sản); bình thường trong truyện dài: hai tập *Bên Kia Bờ Áo Vọng* và *Những Thiên Đường Mù* đã gây xôn xao trong dư luận quần chúng vì tính cách phản kháng, đả phá xã hội, nhưng về phương diện nghệ thuật còn cổ điển, chưa thoát khỏi những gò bó, chuyên chú vào luận đề, hành văn để dài, kết cấu lỏng lẻo.

Sở trường trong những bài tham luận, nhà trí thức Dương Thu Hương xứng đáng là người cầm đuốc soi đường cho một thế hệ trí thức rụt rè, cam chịu. Những bài tham luận của Dương Thu Hương mang dấu ấn của sự can đảm, nét sắc bén và giọng quyết liệt.

Lúc đầu, Dương Thu Hương chỉ tố giác những hành động đơn phương của những ông quan văn nghệ, vạch mặt một vài cá nhân lãnh đạo, chỉ trích những tệ đoan trong giới cầm bút thân cận chính quyền. Đòi hỏi nhà trí thức phải có một nhân cách, một thái độ xứng đáng với vai trò của mình:

"*Những dòng chữ lừa mị cũng gây nên tội ác đối với đời sống của nhân dân giống như những bản thống kê kinh tế ma và những bản báo cáo thành tích gian dối*". (Tham luận đọc trước Nguyễn Văn Linh ngày 6-10-1987).

Dần dà, Dương Thu Hương đi xa hơn nữa. Sau khi kiểm điểm lại quá khứ, kiểm điểm những sai lầm trong cải cách ruộng đất,

sai lầm trong chính sách đối ngoại, trong địa hạt kinh tế, Dương Thu Hương đánh thẳng vào chủ nghĩa cộng sản:

"Chúng ta theo chủ nghĩa Mác, nhưng chúng ta không nắm được những tư tưởng tiến bộ nhất của ông [...] ở đất nước chúng ta, chủ nghĩa Mác đã được thánh hóa, đã biến thành một mô hình thiên đường duy nhất dưới hạ giới, là con đường duy nhất để đưa dân tộc ta tới một cuộc sống tốt đẹp [...]. Một lý thuyết triết học không phù hợp với điều kiện vật chất xã hội mà vẫn tiếp tục được bảo hành do sức mạnh của pháp quyền, thì chính nó sẽ tha hóa, biến dạng và có những hậu quả âm tính". (Phỏng vấn video ngày 15-5-1989).

Trong bài tham luận đọc tại đại hội nhà văn lần thứ IV, tháng 10 năm 1989, Dương Thu Hương quan niệm chức năng nhận thức của nhà văn là yếu tố chính trong những chức năng văn học, Dương Thu Hương đặt nhà văn trước một trách nhiệm nặng nề: trách nhiệm về sự suy thoái của quê hương và dân tộc.

Phân tích những lý do đưa đến tình trạng hủy hoại hiện giờ của dân tộc, Dương Thu Hương nêu lên những yếu tố chính:

Hiện tượng suy đồi của các đảng viên và cán bộ tham nhũng, hối lộ, hà hiếp dân chúng... vì sao mà có? Vì "đã mấy thập kỷ qua, chúng ta chỉ tuyên truyền trong công chúng: nhân dân biết ơn Đảng, nhưng chúng ta không giáo dục đảng viên: Đảng phải biết ơn nhân dân".

Qua hai cuộc chiến, người ta tự hào về đảng. Đảng đã lãnh đạo thần kỳ trong chiến tranh, nhưng nếu không có nhân dân, nếu dân tộc Việt Nam hèn nhát, liệu đảng có gạt hái được những chiến công oanh liệt không?

Đảng còn là tác giả của những phương án sai lầm trên lãnh vực kinh tế, đưa dân tộc vào sâu thêm trong lòng vực thẳm của nghèo đói, kiệt quệ.

Những nhà văn Việt Nam đã làm gì trong hoàn cảnh ấy? Những nhà văn Việt Nam đã trở thành những công chức trong bộ máy quan liêu, và nỗi đau khổ của nhân dân trở thành nỗi đau khổ của kẻ khác.

"Biết bao người trong thời đại chúng ta đã đi ra pháp trường để chỉ chiến đấu cho một lý tưởng, nhưng nếu không cẩn thận, những thế hệ mai sau sẽ đưa những lý tưởng ấy ra trường bắn!

Chỉ có những thời đại đã man nhất mới có những cá nhân chà đạp lên dân chúng [...] ngày nay kẻ nào dùng bạo lực là kẻ yếu".

Tháng 3-1990, trong bài trả lời cán bộ tổ chức trung ương, Dương Thu Hương đã viết bài tham luận sắc bén, sâu xa và xuất sắc nhất của mình. Mặc mọi đe dọa tứ bề. Tháng 5-1990, Dương Thu Hương viết lá thư tự kiểm điểm gửi toàn thể chi bộ Xưởng Phim Truyện I (nơi Dương Thu Hương làm việc), xác quyết và mở rộng lập trường bài viết tháng 3-1990. Tháng 7-1990, Dương Thu Hương bị khai trừ khỏi đảng.

Nội dung hai bài viết tháng 3 và tháng 5-1990 đúc kết một chương trình đả phá toàn bộ chính quyền cộng sản, lên án sự lãnh đạo chuyên chế và tập quyền, đưa đến sự độc tài cá nhân và những sai lầm căn bản, đẩy dân tộc tới sự phá sản ngày nay:

- Về chủ nghĩa Mác: "Tôi cho rằng việc du nhập chủ nghĩa Mác vào Việt Nam (như hiện thực đã thấy) là một điều xa xỉ".

- Về bộ chính trị: "Bộ chính trị ngày nay không có gương mặt nào đáp ứng được ý nguyện dân chúng"

- Về nguyên tắc lãnh đạo đất nước:

\* Điều thứ nhất: phải bỏ ngay nguyên tắc chuyên chính vô sản. Chuyên chính vô sản là mô hình chính quyền thời chiến do

Lênin đề ra. Vô sản chuyên chính với kẻ thù. Nhưng khi giai đoạn chiến tranh đã qua, bộ máy nhà nước tổ chức theo nguyên tắc chuyên chính sẽ hướng toàn bộ sức mạnh bạo lực của nó vào nhân dân. Không còn sự chuyên chính của người vô sản với kẻ thù mà chỉ còn sự chuyên chính của bộ máy quan liêu với những người vô sản, sự chuyên chính của thư lại với nền dân chủ. [...] Nguyên tắc chuyên chính gắn liền với nguyên tắc tập trung dân chủ. Thực chất hai nguyên tắc này bảo đảm cho mô hình một xã hội độc tài cực quyền. Trong xã hội đó toàn bộ quyền hành được thu tóm vào một nhóm rồi một cá nhân. Những cá nhân này là những thực thể siêu quyền. Họ đứng trên luật pháp, không một sức mạnh nào, dù là luật pháp có thể kiềm chế được quyền hành của họ. Ở đâu có chuyên chính, ở đó có độc quyền. Trong cơ chế xã hội kiểu này, bất cứ ai có ý kiến khác biệt đều bị quy kết là kẻ thù của nhân dân, bị tù đầy, thủ tiêu hoặc triệt mọi đường sinh sống...

Xã hội ta chỉ có thể được cải cách và phát triển khi nó thủ tiêu hai nguyên tắc đã quá lạc hậu và man rợ: chuyên chính, tập trung.

\* Điều thứ hai: phải thiết lập một thể chế dân chủ, dựa trên những nguyên tắc căn bản sau đây:

1. Pháp luật phải đứng trên mọi quyền năng và trước hết, những người có quyền năng cao nhất phải phục tùng pháp luật.

2. Bộ máy hành pháp phải bao gồm những con người có trí thức và lương tri.

3. Tình trạng dân trí phải được cải thiện.

Và Dương Thu Hương kết luận: Hai khái niệm chuyên chính vô sản và tập trung dân chủ đã gắn liền với mô hình xã hội khủng khiếp nhất, u ám nhất trong thời đại này...

Lòng yêu nước là mỏ vàng lớn nhất trong gia tài người Việt. Đảng đã đúc kết từ mỏ vàng ấy những khối vàng ròng. [...] Người Việt không có truyền thống triết lý, không có nhiều kiến thức triết học. Người ta hiến dâng cuộc đời, hiến dâng của cải, hiến dâng cả xương thịt của con cháu, không phải để chứng minh cho học thuyết của một ông Marx hay ông Kant nào đó, mà vì một nước Việt độc lập, tự do, hạnh phúc trong tương lai".

Trong số những nhà trí thức gần đây đã mạnh dạn đòi hỏi tự do dân chủ cho đất nước: Bùi Tín, Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính, Phan Đình Diệu... Dương Thu Hương là người đi sâu và nhìn rộng nhất về mọi vấn đề. Những bài tham luận của Dương Thu Hương súc tích, gọn gàng, nói thẳng, vạch rõ đến cội rễ những sai lầm, đề nghị toàn bộ những cải cách một cách trong sáng, mạch lạc và toàn bích nhất.

Dương Thu Hương thuyết phục mọi người bằng lối văn nghị luận sắc bén và quyết liệt. Nói mạnh, nói thẳng vào vấn đề, không che đậy, quanh co.

Quả cảm, thẳng thắn và có biệt tài, từ địa hạt tiểu thuyết đến văn nghị luận, Dương Thu Hương mang tâm sự, sắc thái của một kẻ sĩ, trong một xã hội mục rữa, suy đồi về nền chuyên chế. Trong môi trường ấy, những người khác, đã ném bút hoặc cúi đầu. Nhưng kẻ sĩ Dương Thu Hương vẫn can đảm cầm đuốc soi đường cho cả dân tộc, bất chấp mọi hiểm nguy, bất chấp bạo lực, bất chấp hậu quả khủng khiếp có thể đến với bản thân mình: "Các anh có thể bỏ tù hoặc thủ tiêu tôi, nhưng súng không đề ra tình yêu và niềm tin. Bạo lực không cưỡng hiếp được chân lý".

Paris, ngày 25-4-1991

Thụy Khuê

## Chiến tranh và Hòa bình

Phạm Sửu

Phạm Sửu là bút hiệu một độc giả, có nhã ý đóng góp bài viết này nhân chiến tranh vùng Vịnh.

Việc tham chiến của Tây vào phía đồng minh, ngày nào cũng nghe truyền hình phân tích tỉ mỉ, và ít nhất là cũng nói thật sự thiệt hại của phe ta, phe địch. Nhớ hồi ở Việt Nam, lúc nào cũng cứ nghe phe cộng sản "thiệt hại nặng nề" mà không biết nặng là mấy kí lô hay mấy tạ. Còn phe cộng hòa chúng ta thì luôn luôn là "hoàn toàn vô sự". Lạ nhỉ, anh có vật lộn với hàng xóm thì không sưng tay cũng sưng trán. Ấy vậy mà đảng này mình ngày ngày quần thảo với AK Việt Cộng mà luôn luôn hoàn toàn vô sự thì dóc cóc chịu được. Cái hùng khí của Tết Mậu Thân từ từ chết lịm, ngay cả biển thành cơn hoảng hốt vô phương cứu chữa, cũng cứ tiếp tục vô sự! Vô sự tới nỗi mà năm 1971 với chiến dịch Lam Sơn, số thương binh đã chiếm hết giường tại các quân y viện! Vô sự được tới tháng tư 1975 thì từ người công dân số một, số hai, đến số ba... "vô sự" bê vàng đắp máy bay thành thơ đi qua xứ khác bỏ mặc dân lành vô tội ra sao mặc xác. Dương Văn Minh ở lại "vô sự" trao chìa khóa nhà cho chủ mới. Quan quân ở lại "vô sự" đi cái tạo dưới một chính thể mới "vô sự" không cần cho biết ngày về. Còn dân chúng, dân chúng "vô sự" chịu đựng cái "vô sự" của nhà nước vô sản và vô... tích sự!

Bởi chính quyền nào cũng quan niệm rằng dân không được quyền biết một sự thật nào về những gì xảy ra chung quanh mình, có ảnh hưởng gián tiếp hay trực tiếp với đời sống mình, có lẽ nên sửa lại tên Đại Cò là Đại Cù mới phải!

\*

Có một anh lính Mỹ chết non trên chiến trường, mười chín tuổi. Truyền hình loan tin đó như một cái gì chưa hề xảy ra trong lịch sử đánh nhau của loài người. Gia đình anh được hỏi han an ủi. Tên anh chắc sẽ được ghi trên danh sách "người già nhất và người trẻ nhất trong cuộc chiến", kiểu Mỹ. Chợt nhớ tới bao nhiêu chiến sĩ Việt Nam... Dân tộc nào và từ thời nào đã có câu "máu chảy ruột mềm"?

Từ 1969, năm mà "bốn bên" bắt đầu ngồi lại với nhau để thu xếp chuyện... gì? Chuyện gì mà đến Nguyễn Văn Thiệu cũng chỉ biết "... hết sức sùng sốt vì nhận ra ngay rằng cán bộ cộng sản, trong một tình lý cò lập ở miền Trung, còn biết được nhiều chi tiết về hòa đàm Paris hơn là chính mình"! (1) Tới 1972 là năm kết thúc, cả thầy gần bốn năm nhỏ to bàn bạc. Tại Paris bình yên sang trọng, các ông to đầu cứ ăn ngon ngủ êm rồi có xe tới đưa rước để ngồi với nhau thù tạc. Và trong khi các ông bắt bẻ nhau về một cái chấm, một dấu phẩy, thì trên chiến trường sôi nổi ở Việt Nam đã có bao nhiêu cái xác thanh niên nằm xuống? Dưới cơn mưa tầm tã trong lau lách đầm lầy hay trong những vùng khô cằn sỏi đá dưới cái nắng thiêu người, bao nhiêu con cái của các bà mẹ đã

ngã gục cho một cái gì mà cho tới khi đột ngột lia đời, họ cũng chưa chắc đã thực sự hiểu?

Và trong số tử vong không bao giờ được kê khai trung thực ấy, có bao nhiêu bộ xương mười chín tuổi đã làm khô héo mẹ già? Có bao nhiêu trẻ con mười chín tuổi phải bơ vơ lạc loài vì mất bố? Có bao nhiêu thiếu phụ mới mười chín tuổi đã phải khóc chông? Và có bao nhiêu gia đình được an ủi hỏi han, bao nhiêu gia đình được đền bù tử tuất?

Kết quả cuộc chuyện trò dai dẳng ấy là Lê Đức Thọ và Kissinger chia nhau khệ nệ ăm về mỗi người một nửa cái Nobel, vì đã có công đem lại... hòa bình. Kết quả cuộc chuyện trò dai dẳng ấy là một sự mất mát khổng lồ trong quân số mà cho tới giờ cũng chưa ai làm thống kê chính xác. Và bây giờ thì mọi sự hoàn toàn rơi vào quên lãng, không có ngay cả một buổi truy điệu cho linh hồn các "chiến sĩ vô danh" ngay trên phần đất mà các anh đã sinh ra và thiên thu nằm xuống! Kết quả cuộc chuyện trò dai dẳng ấy là thêm một số đồng người không vinh quang bỏ xác trên chiến trường mà hải hùng trầm mình ngoài khơi làm mồi cho tôm cá. Và kết quả cuộc chuyện trò dai dẳng ấy là một sự đổi đời mà dân Việt Nam còm cõi phải nhục nhân nai lưng gánh chịu đã gần một phần tư thế kỷ!

\*

Dài truyền hình Pháp có mục giải thích và phỏng vấn các em về cuộc chiến tranh Iraq. Có em nói thấy bắn nhau, em rất sợ. Trong ba mươi năm nội chiến, trẻ em miền Nam không hề được phỏng vấn và giải thích tại sao. Chuyện đánh nhau là chuyện tự nhiên của người lớn. Trẻ em hầu như ở ngoài các cuộc Hán Sở tranh hùng ấy. Cho nên cóc sợ. Trẻ em thành phố thì hoàn toàn xa lạ với chiến tranh: ai chết mặc ai. Trẻ em vùng quê thì điếc đờ: chẳng nghe ai chết. Trẻ em gần các vùng đánh nhau thì mù tịt: sợ chết tới nơi!

Nhưng chắc con nít ngoài Bắc thì biết. Mỗi ngày, nếu chúng không có cái gì nhét vào miệng, ít ra cũng được nhét kỹ vô đầu các câu "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Không cần đánh cho chết vội, bởi đó là việc sẽ làm về sau với những tính toán có hệ thống qui mô trong thời bình. Cứ cần làm cho cút, cho nhào là đã đạt "tiêu chuẩn cao" rồi. Chúng cũng học được tài bắn súng thần sầu "một viên đạn bắn gục bảy tên lính Mỹ" - cóc cần biết đạn đó do Nga hay Tàu chế ra mà có khả năng kỳ diệu thế!

Con nít ngoài Bắc chỉ ao ước được làm cháu ngoan bác Hồ. Con nít trong Nam chẳng có bác Hồ để gặp trong mơ nên chẳng ước ao gì cả. Bác Thiệu thì chỉ gặp trong ác mộng. Nếu là chim, không biết người ngoài Bắc có nhất định đòi làm bồ câu trắng không, nhưng nếu là người thì nhất định trai phải là anh hùng Nguyễn Văn Trỗi. Và nếu là gái thì phải như là:

*Người con gái Việt Nam Hoàng Thị Hồng Chiêm,*

*Dưa tay trái bị thương làm điểm tựa.*

*Máu chảy đỏ cánh tay và vạt áo,*

*Vấn nỏ từng phát súng chắc và danh!*

*Địch xéo lên nhau tháo chạy, và Hồng Chiêm đã trong sáng hy sinh,*

*Từ Móng Cái đến Hòn Gai, mọi người kể tấm gương người thiếu nữ... (2)*

Người con gái trong Nam thì không ồn ào như vậy, cũng không dũng cảm kiên cường như vậy, mà chỉ âm thầm lặng lẽ "đi trong đêm, đêm vang âm tiếng súng", rồi hoảng hốt "chợt òm

thân mình", để đau đớn nhận ra rằng "trên da thơm vết máu loang dần..."

\*

Người ta bàn tán xây dựng lại Kuwait thì dân Việt Nam cũng bàn tán xây dựng lại Việt Nam. Một Việt Nam hậu cộng sản!

Bắt đầu là anh em bàn xem hiến pháp nào thích hợp cho Việt Nam hậu cộng sản. Nền kinh tế nào sống được với Việt Nam hậu cộng sản. Nền giáo dục nào có thể áp dụng cho dân Việt Nam hậu cộng sản. Tôn giáo nào có thể cứu vớt các linh hồn Việt Nam vốn đã quá nhục nhằn, hậu cộng sản. Và chế độ chính trị nào không giết chết hết dân Việt Nam còn sống sót... hậu cộng sản. Người ta bàn bạc như thể cộng sản đã chết rồi. Người ta bàn bạc như thể đám hát này đã hết hạn trình diễn, ban tổ chức phải lo mời đám khác tới, cho sân khấu đứng một ngày nào bỏ trống. Vậy mà trên thực tế thì đám hát trước chưa chịu rút đi, và cũng chưa chứng tỏ thiện chí gì sẽ tự rút đi cả! Làm sao đuổi họ đi? Chẳng hề có công-tra về thời hạn. Họ cũng không có khả năng biết tự trọng, thấy khán giả la ó thì nên hạ màn chuẩn êm. Họ cứ lì ra đấy. Đêm nào cũng kéo màn ra trình diễn, cóc cần biết có khán giả nào không và nếu có một vài, thì khán giả có thưởng thức nổi không? Rồi biết là ai cũng chê, và đôi meo đúng hát chẳng nổi nữa, họ nằm. Nằm và vẫn nghe ngao hát. Nằm như nằm vạ. Nằm như Lê Long Đĩnh. Mặc dầu kỹ thuật nằm của mười thế kỷ sau có ít nhiều khác xưa. Nhưng Lê Long Đĩnh chỉ ngọa được có bốn năm (1005-1009) rồi yếu mạng. Tịch. Sao hậu duệ của ông vua ngoại triều này lại trường thọ dữ vậy! Và còn trên sân khấu ngày nào, họ cứ gân cổ ra hát. Họ hay hát nhưng hát không bao giờ hay. Ai nói rằng hát hay không bằng hay hát?

\*

Mãi mê lo tìm nghệ sĩ, tuồng tích, cách trang hoàng sân khấu, người ta quên mất có lẽ đồng thời cũng phải có một cái gương thật lớn. Không phải chỉ để cho đào kép, mà kể cả tất cả khán giả cũng cùng soi mặt mình vào gương ấy: coi xem linh hồn ta còn đó không hay đã bán tháo cho quỷ mất rồi?

Người ta cũng dường như quên mất một lý do ngoại tại tai ác nhưng nó luôn luôn đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử ca kịch Việt Nam, là đoàn hát mà ta xét là có khả năng, liệu tiếng hát có làm đẹp lòng các bạn khán giả ngoại quốc không? Năm 1975 nếu anh bạn khán giả Mỹ cứ thích nghe kép Thiệu hát hoài, thì làm gì có ngày cho một đoàn hát mới? Và nếu các anh bạn ngoại quốc ấy muốn chọn một đoàn hát khác cho sân khấu Việt Nam ta, liệu ta có khả năng từ chối và phản đối không? Phản đối tới cỡ nào? Có dám ném cà chua trúng thói đuổi họ đi không? Và ta dù có gan cùng mình, dám làm tất cả những việc oai hùng ấy, liệu có được kết quả như mong muốn không? Sợ là không! Mà nếu để thiên hạ chọn giùm đoàn hát cho ta thì than ôi, đào kép nào cũng sẽ như đào kép nào! Hậu trường nào cũng sẽ như hậu trường nào! Như thế mới thực sự đáng buồn cho một Việt Nam hậu cộng sản! Như thế mới là điều đáng lo toan hàng đầu, cho một Việt Nam hậu cộng sản!

Paris ngày 20-03-1991

Phạm Sử, tưởng nhớ thầy mẹ

(1) Nguyễn Tiến Hưng, Jerrold L. Schecter: Hồ Sơ Mặt Đình Độc Lập, tr.145.

(2) Xuân Diệu; Một Lần Nữa Chúng Tôi Lại Chống Quân Xâm Lược.

# THỜI SỰ... TÔI...

## Hoa Kỳ mở văn phòng tại Hà Nội

Ngày 20-4-1991, ông Nguyễn Cơ Thạch, Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao Việt Nam và ông John Vessey, đặc sứ của Tổng thống Bush, tuyên bố Hoa Kỳ sẽ mở tại Hà Nội một văn phòng tạm thời để tìm kiếm những người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam.

Đây là bước mở đầu trong chương trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam đã được Mỹ đưa ra ngày 9-4-1991. Chương trình này dự trù thực hiện qua bốn giai đoạn.

Một là Hà Nội và Phnom Penh phải chấp nhận chương trình hòa bình của Liên Hiệp Quốc để chấm dứt tranh chấp tại Kampuchea. Chính phủ Việt Nam phải hợp tác chặt chẽ hơn với Hoa Kỳ trong việc truy tìm những người Mỹ mất tích (khoảng 1661 trường hợp) và trả tự do cho khoảng 200 viên chức của chính quyền VNCH còn bị giam và cho họ sang Hoa Kỳ. Để đổi lại Hoa Kỳ sẽ rút lệnh hạn chế di chuyển của nhân viên ngoại giao Việt Nam làm việc tại Liên Hiệp Quốc và cho phép các hãng du lịch Mỹ mở văn phòng tại Việt Nam.

Nếu mọi chuyện xảy ra tốt đẹp, trong giai đoạn hai, hệ thống viễn thông giữa hai nước sẽ được thiết lập và cho phép trao đổi những dịch vụ thương mại về các mặt hàng nhu yếu.

Sáu tháng sau, khi biết chắc chương trình hòa bình của Liên Hiệp Quốc được áp dụng và bộ đội Việt Nam rút hết khỏi Kampuchea, trong giai đoạn ba Hoa Kỳ sẽ mở một văn phòng đại diện ngoại giao tại Hà Nội và ngược lại, ngoài ra Hoa Kỳ sẽ ủng hộ để Việt Nam vay tiền các định chế tài chính quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới.

Giai đoạn bốn, sau khi thiết lập xong một chính quyền dân cử tại Kampuchea, hai nước sẽ trao đổi ngoại giao ở cấp bậc đại sứ. Việt Nam sẽ được hưởng qui chế tối huệ quốc và Hoa Kỳ sẽ rút hẳn lệnh cấm vận đặt ra từ 1979.

Người ta không khỏi đặt câu hỏi về thời điểm đưa ra chương trình bốn điểm này của Hoa Kỳ trước những khó khăn trong việc tổ chức Đại Hội 7 của đảng cộng sản Việt Nam. Phải chăng Hoa Kỳ muốn áp lực để phe bảo thủ có những lựa chọn "can đảm" hơn và "khuyến khích" phe đổi mới?

## Centesimus annus

*Những biến cố 1989 tại Đông Âu là kết quả cuộc nổi dậy của các thành phần công nhân. Họ đã tước bỏ tính cách chính thống của một chủ nghĩa tự nhận đại diện cho họ. Sự thất bại của chính sách sản xuất tập thể không phải là hậu quả của những trục trặc kỹ thuật, mà là do sự vi phạm quyền sáng tạo, quyền tư hữu và các quyền tự do trong lãnh vực kinh tế của con người cá thể. Những thành quả dân chủ đạt được bằng phương thức bất bạo động là một tấm gương: ý chí thương lượng cũng như tinh thần phúc âm đã thắng một đối thủ quyết tâm không màng đến bất cứ một giá trị đạo lý nào. Đó là một bài học cho những ai, nhân danh "thực tiễn chính trị", muốn gạt khỏi chính trị lẽ phải và đạo đức.*

Trên đây là vài ý chính trong phần đầu của Thông điệp xã hội Centesimus Annus do Gioan Phaolô II, vị Giáo Hoàng đầu tiên sinh trưởng trong một nước cộng sản, phổ biến ngày 2-5-91. Thông điệp dài 121 trang được viết nhân kỷ niệm một trăm năm ngày ban hành thông điệp xã hội Rerum Novarum của Giáo Hoàng Leo XIII, rất nổi tiếng vì đã mở tả điều kiện sinh sống và bệnh vực giới công nhân thời cuối thế kỷ XIX. Thông điệp mới

ban hành là một suy nghĩ về thất bại của chủ nghĩa cộng sản tại Đông Âu, về những khiếm khuyết của chủ nghĩa tư bản và về những giá trị trong một thể chế dân chủ.

**Thông điệp nhấn mạnh:** chúng ta không thể chấp nhận lập luận cho rằng sự thất bại của chủ nghĩa xã hội hiện thực chỉ có thể mở đường cho một khuôn mẫu kinh tế duy nhất là khuôn mẫu tư bản. Thị trường tự do là dụng cụ thích hợp nhất để phân phối của cải, nhưng những lạm dụng của nó dẫn đến sự bóc lột vô nhân đạo những tập thể người rộng lớn, đôi khi cả một dân tộc. Đấu tranh giai cấp không thể được chấp nhận vì nó không chú trọng đến phẩm giá của con người, nhưng phải có "đấu tranh xã hội" chống lại quyền lực tối thượng của tư bản, khi nó chà đạp lên tự do và nhân phẩm con người. Lợi nhuận là một giá trị không thể chối bỏ, nhưng nó không thể là giá trị duy nhất, phải lưu ý đến những giá trị nhân bản và đạo đức, là những giá trị cũng cần thiết không kém cho sinh lực của xí nghiệp.

Điểm then chốt của bản thông điệp có lẽ là đã đưa ra một khuôn mẫu xã hội cho các nước Đông Âu và các nước thuộc thế giới thứ ba. Hỏi: có nên đề nghị một tổ chức xã hội tư bản cho các nước đó hay không? Trả lời: nếu hiểu "tư bản" là một chế độ trong đó tự do kinh doanh không được đóng khung bởi những luật lệ gắt gao nhằm bảo vệ quyền tự do trọn vẹn của con người - mà thực chính là đạo đức và tôn giáo - thì câu trả lời là không.

Những thông điệp của Vatican có mục đích nói lên lập trường chính thức của Giáo hội Công giáo về một vấn đề nhất định, ở đây là vấn đề xã hội. Chủ thuyết xã hội công giáo dựa trên ba cột trụ: một là công bằng xã hội, buộc chủ nhân phải trả lương tương xứng với công việc và tạo điều kiện để phẩm giá con người được tôn trọng trong khi lao động; hai là quyền tư hữu, với những công thức "kết hợp tư bản và lao động" giữa chủ và thợ; ba là việc bảo vệ các "định chế trung gian", như hợp tác xã, nghiệp đoàn, v.v... để ngăn ngừa những lạm dụng của tư nhân cũng như của nhà nước.

## Dân chủ đa nguyên tại Angola

Sau 15 năm nội chiến với gần 100.000 nạn nhân, Phong Trào Nhân Dân Giải Phóng Angola (MPLA), khuynh hướng cộng sản, của Eduardo dos Santos và Liên Minh Quốc Gia Giành Độc Lập Toàn Diện cho Angola (UNITA) của Jonas Savimbi đã đi đến một thỏa ước. Sau khi được Portugal trả độc lập ngày 15-01-1975, phe MPLA đã chiếm được thủ đô Luanda với sự giúp đỡ của Liên Xô và lính đánh thuê Cuba, và tuyên bố thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Angola ngày 11-11-75. Phe UNITA rút vào rừng kháng chiến với sự trợ giúp của nhiều nước, trong đó có Nam Phi. Sau những thất bại kinh tế, hậu quả của chính sách quản trị đất nước theo đường lối cộng sản, chính phủ Luanda lại là nạn nhân của luồng gió hòa dịu thế giới. Thỏa ước ba bên (giữa Cuba, Nam Phi và Angola) ký tại New York năm 1988 chính thức hóa sự rút lui của 50.000 lính đánh thuê Cuba và kết thúc sự ủng hộ của Liên Xô. Phe Dos Santos bắt đầu những cuộc nói chuyện với phe Savimbi. Sau một năm thương thuyết, một thỏa ước đã được ký kết tại Estoril (Portugal) theo đó những đòi hỏi chính của UNITA đã được thỏa mãn: chính thức công nhận thể chế dân chủ đa nguyên và thời điểm tổ chức bầu cử tự do.

## Tiến tới cưỡng bách hồi hương thuyền nhân Việt Nam

Theo tin các hãng thông tấn AFP và Reuter, cộng đồng quốc tế muốn khuyến khích các thuyền nhân Việt Nam hiện còn bị kẹt tại các trại tị nạn ở Đông Nam Á nên hồi hương. Những khó khăn phải vượt qua là làm sao biết đích xác ai là tị nạn chính trị, ai là di dân kinh tế.

Cao Ủy Tị Nạn trong bản thông cáo đề ngày 1-5-1991 đã cho hay là các nước tham dự Hội Nghị Tị Nạn Genève muốn chặn đứng những lời đồn đại vô căn cứ cho rằng Kuwait sẵn sàng thu dụng những người tị nạn Việt Nam để tái thiết Kuwait. Bản thông cáo này nói trắng ra rằng "những ai không được nhìn nhận là người tị nạn phải hiểu rằng họ không có chọn lựa nào khác là trở về Việt Nam với những bảo đảm của Cao Ủy Tị Nạn về an ninh cũng như về nhân phẩm". Đây là một lối hành văn lịch sự để nói rằng các thuyền nhân Việt Nam sẽ phải hồi hương dù muốn hay không muốn. Điều đáng chú ý là lần này, bản thông cáo được sự ủng hộ của Hoa Kỳ, quốc gia từ trước vẫn chống cưỡng bách hồi hương.

Trước đó tổng thống Hoa Kỳ George Bush đã hội kiến với Thủ tướng Anh John Major tại Bermuda, Đại Tây Dương, trong hai ngày 16 và 17-3-1991, trong đó có nêu ra vấn đề hồi hương những thuyền nhân Việt Nam đang ở các trại tị nạn tại Hồng Kông. Theo quan điểm của Anh, tình trạng thuyền nhân Đông Nam Á trở nên trầm trọng và Anh quốc sẽ thi hành những biện pháp theo chiều hướng cưỡng bách. Mỹ từ trước vẫn chống lại những biện pháp này. Cộng Đồng Âu Châu đề xuất một chương trình khuyến khích những người Việt Nam tự nguyện hồi hương bằng một ngân sách 12 triệu USD.

Tại Paris, một ủy ban gồm có nhiều thành viên thuộc các tôn giáo và hội đoàn chính trị vừa được thành lập để triệu tập một Đại Hội Thuyền Nhân vào ngày 12-5-1991 để chống lại việc cưỡng bách hồi hương thuyền nhân Việt Nam.

Trong cuộc gặp mặt với tổ chức IRAC ngày 3-5-91 tại Washington, Thông Luận đã được ông Lê Xuân Khoa, chủ tịch tổ chức này, cho hay là một phái đoàn gồm sáu tổ chức không phải chính phủ (NGO) sẽ lên đường sang Việt Nam ngày 10-5-91 để điều nghiên tình trạng những người đã hồi hương để có dữ kiện thảo luận với Cao Ủy Tị Nạn về một giải pháp nhân đạo cho vấn đề thuyền nhân. Chính ông Khoa là một thành viên của phái đoàn này. Ông Khoa cho hay là ông sẽ làm tất cả những gì có thể làm được trong khả năng của ông để bênh vực thuyền nhân Việt Nam.

## Thuế: những cú sốc

Năm 1990, Xí Nghiệp Đông Nam Dục quận 5 (Sài Gòn) bán được 200.000 chai Thập Toàn Đại Bỏ (một loại rượu bỏ). Năm 1991, xí nghiệp dự trù sản xuất 300.000 chai nhưng trong hai tháng đầu năm xí nghiệp bán chưa tới 1.000 chai. Năm 1990 giá bán một chai Thập Toàn Đại Bỏ là 2.710 đồng và chỉ đóng 1% thuế doanh thu. Năm nay nó được bán với giá 6.022 đồng/chai, tăng hơn 120%, vì mỗi chai ngoài thuế lợi tức và thuế vốn còn phải đóng thêm 55% thuế tiêu thụ đặc biệt. Xí Nghiệp Đông Nam Dục quận 5 không chịu nổi cú sốc này phải ngưng hoạt động.

Xí nghiệp Mỹ Phẩm Sài Gòn trong năm 1990 lời ròng được 19 triệu đồng. Làm ăn có lời đáng lẽ xí nghiệp phải được khen thưởng, ngược lại xí nghiệp này đang bị truy tố nợ 26 triệu đồng tiền thuế. Sản phẩm làm ra phải chịu ít nhất ba thứ thuế: thuế doanh thu (10% trên giá bán), thuế lợi tức (40%) và thuế vốn

(5%), chưa kể thuế tiêu thụ đặc biệt. Ban giám đốc xí nghiệp than phiến bị các thủ thuế chông chéo đánh vào sản phẩm nên không sao trả nổi. Thuế vốn đã được tính vào giá thành sau đó bị thuế doanh thu đánh vào giá bán, đó là chưa kể thuế nhập khẩu và thuế doanh thu đánh trên vật tư. Sản phẩm đưa vào thị trường không cạnh tranh nổi với hàng ngoại vì kém phẩm chất và giá quá cao.

Ngành gia công cũng bị sốc nặng. Xí nghiệp May Xuất Khẩu Phú Nhuận 2 nhận gia công 22.000 bộ áo đầm cho Liên Xô. Hàng nhận từ Xí nghiệp May Thêu Xuất Khẩu Phú Nhuận (đã nhận gia công lại từ Confectimex). Hàng sau khi giao bị đóng chông chéo ba lần thuế doanh thu (4%) và ba lần thuế lợi tức (40%), lợi tức thu về không còn bao. Xí nghiệp gia công nào tự động nhập vải từ nước ngoài còn phải đóng thêm từ 30 đến 40% thuế nhập khẩu. Nhiều xí nghiệp gia công đã đóng cửa.

Các cơ sở xuất khẩu cũng ngao ngán không kém. Hải sản từ Minh Hải về Sài Gòn phải chịu thuế tài nguyên và thuế buôn chuyên hơn 15%. Sau khi chế biến con tôm chịu thuế xuất khẩu 7%, con mực 5%, cộng thêm 40% thuế lợi tức, 2% phí xuất khẩu, 1% thuế doanh thu và thuế xuất khẩu 1% được thu gộp vào "củ chót".

## Forum: những âm vang

Diễn Đàn Đầu Tư (Forum) đã kết thúc hơn tháng nay nhưng dư âm của nó vẫn còn.

Một nhà đầu tư Thái Lan cho biết có quá nhiều "yếu tố vô hình" chi phối sinh hoạt kinh tế Việt Nam. Sau một năm làm ăn với một công ty Việt Nam, ông ta không bao giờ tính được những yếu tố cấu tạo giá thành sản phẩm vì mỗi lần nhận hàng ở các cảng hay làm giấy tờ số tiền dút lót không lần nào giống lần nào. Một doanh nhân Mã Lai than phiền nếu ở Việt Nam giá thuê đất cứ tăng đều mỗi 5 năm không nhà đầu tư nào dám mang tiền vào làm ăn cả. Một doanh nhân Nhật cảnh cáo nếu guồng máy kinh tế Việt Nam chưa tổ chức có hệ thống (luật pháp, thuế khóa...), những nhà đầu tư ngoại quốc sẽ nhận lãnh hậu quả không khác gì các xí nghiệp quốc doanh hiện nay. Một đại diện ESCAP (Ủy ban Kinh tế Xã hội Châu Á và Thái Bình Dương) khuyến khích quyền Việt Nam phải biết mình muốn cái gì và phải đặt thứ tự ưu tiên cho từng ước muốn trong một khoảng thời gian hợp lý chứ không thể muốn có tất cả trong một lần.

Về phía Việt Nam, các chủ dự án cũng ngơ ngác không kém. Một chủ dự án về hóa phẩm cho biết Ủy Ban Nhà Nước Về Hợp Tác Và Đầu Tư (SCCI) không cung cấp nổi tên những công ty ngoại quốc đến tham dự Forum để tham khảo vì... không có. Một chủ dự án may mặc cho biết lúc đầu nhà nước định giá thuê đất là 40USD/m<sup>2</sup>/năm sau hạ xuống còn từ 3 đến 8USD/năm, anh ta không được thông báo do đó giá thành sản phẩm của anh ta không trúng thầu. Thêm vào đó cách định giá của doanh nhân Việt Nam không có căn cứ vì không biết được tỷ lệ lạm phát chính xác. Có người than phiền kêu gọi hợp tác đầu tư với nước ngoài là điều đáng làm nhưng đầu tư sản xuất cái gì khi nhà nước chưa qui định danh mục quota xuất nhập khẩu gồm các mặt hàng nào và danh mục hàng hóa thiết yếu thay cho hàng nhập.

## Đường bạch rối loạn

Chính quyền cộng sản đang dao động, cùng một ngày pháp

lệnh về thuế thu nhập được ban hành hai lần với hai nội dung khác nhau.

Pháp Lệnh Thuế Thu Nhập Đối Với Người Có Thu Nhập Cao được HDBT ký ngày 27-12-1990, và công bố ngày 07-01-1991. Hơn hai tháng sau, pháp lệnh này được điều chỉnh bởi Nghị quyết của HDBT ngày 26-03-1991 và cũng được ký ngày 27-12-1990 (?). Không thấy có chương mục nào ghi chú pháp lệnh 2 hủy bỏ pháp lệnh 1.

Pháp lệnh 1 qui định mỗi công dân Việt Nam có lợi tức gộp trên 400.000 đồng/tháng (pháp lệnh 2 ấn định là 500.000 đồng) phải chịu 10% thuế và cứ mỗi bậc 400.000 đồng (500.000 đồng pháp lệnh 2) bị đánh theo tỷ suất lũy tiến 10%, lãnh trên 3 triệu bị 50% (pháp lệnh 2 qui định 3,5 triệu). Đối với những cá nhân có lợi tức trên 5 triệu đồng/tháng ngoài việc chịu thuế suất tối đa (50%) còn phải chịu thuế suất bổ sung 30% cho mỗi phần thu nhập trên 5 triệu.

Người nước ngoài được ưu đãi hơn, theo pháp lệnh 1 lương từ 800.000 đến 2 triệu chịu 10%, (pháp lệnh 2 là 2,4 triệu) và lãnh trên 16 triệu chịu 50% (pháp lệnh 2 ấn định 48 triệu).

Nói chung cách qui định thuế suất và mức lương rất tùy tiện, dân Việt Nam là đối tượng bị thiệt thòi nhất, lao động trong nước bị đánh thuế nặng hơn lao động nước ngoài từ 200 đến 450%.

Biểu thuế thu nhập đối với những lần nhận quà của thân nhân tại hải ngoại cũng có nhiều khác biệt. Pháp lệnh 1 qui định lãnh hàng từ 2 đến 5 triệu đồng chịu 10% thuế, từ 5 đến 10 triệu 15%, từ 10 đến 15 triệu 20% trên 15 triệu 30%. Pháp lệnh 2 qui định nhận từ 1,5 đến 3 triệu chịu thuế 5%, từ 3 đến 7,5 triệu 10%, từ 7 đến 15 triệu 15%, từ 15 đến 22,5 triệu 20% và trên 22,5 triệu 30%. Không biết cách tính của hai pháp lệnh này căn cứ vào cái gì để biết hàng hóa gởi về (không bao giờ có hóa đơn) trị giá là bao nhiêu, hơn nữa giá cả thị trường chợ đen biến động vô chừng và làm sao biết người nhận hàng sẽ đem ra chợ bán hay để tiêu dùng.

Theo điều 33, chương VIII, những qui định trước đây trái với hai pháp lệnh này đều bãi bỏ (?). Cả hai có hiệu lực kể từ ngày 1-4-1991 và chỉ điều chỉnh khi giá cả thị trường biến động trên 20%, tức mỗi 3 tháng.

Giá 1USD ngày 1-4-1991 bằng 8.000 đồng Việt Nam.

## Hội thảo tại Chemnitz

Trong hai ngày 13 và 14-4-1991, một cuộc hội thảo với đề tài Cách Mạng Hòa Bình Đức - Đảng Cộng Sản - Dân Tộc Việt Nam do đảng Xã Hội Dân Chủ Việt Nam (SPV) cùng với Viện Friedrich Ebert Stiftung tổ chức tại thành phố Chemnitz (vừa mới khôi phục lại tên cũ sau mấy chục năm mang tên Karl Marx) thuộc Đông Đức cũ. Có hơn 100 người tham dự.

Phần đầu cuộc hội thảo đề cập đến những vấn đề liên quan đến đời sống của người lao động Việt Nam cũng như rút tỉa những bài học, kinh nghiệm quý báu cho Cách Mạng Dân Chủ tại Việt Nam. Luật gia Nguyễn Trọng Cử ở Leipzig đã trình bày ảnh hưởng của luật ngoại kiều mới và anh Phan Thanh Vân (chủ tịch Hội người Việt Nam ở Đông Đức) đã đề xuất một kiến nghị về quyền cư trú.

Phần hai, anh Nguyễn Nguyễn Thanh, trưởng ban tổ chức và là người đại diện công khai duy nhất của ĐXHDCVN (đảng này còn hoạt động bí mật trong nước), trả lời những câu hỏi của các hội đoàn, tổ chức người Việt về ĐXHDCVN. ĐXHDCVN,

# TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC...

thành lập từ tháng 7-1990, phấn đấu để xây dựng một chế độ dân chủ đa nguyên tại Việt Nam, phương pháp đấu tranh không sử dụng bạo lực và kêu gọi sự hòa giải dân tộc. Hiện nay DXHDCVN được sự giúp đỡ và ủng hộ của DXHDC Đức.

Sau đó, một số đại diện của các tổ chức đóng góp những bài tham luận: Tổ Chức Nhân Quyền Việt Nam (anh Lâm Đăng Châu), Tổ chức Việt Nam Tự Do (anh Tạ Xuân Vinh), Hội Sinh Viên Tây Berlin (anh Nguyễn Đăng Hiếu).

Ngoài các tổ chức Việt Nam, có nhiều đại diện chính trị Đức đến tham dự như ông Dieter Rudolf, Phó thủ tướng kiêm Phó Chủ tịch Quốc hội Liên Bang Sachsen, đại diện DXHDC Đức, Sở Lao Động Đức...(theo báo Tia Sáng, Berlin)

## Năm người thuộc tổ chức ông Hoàng Cơ Minh bị bắt tại Mỹ

Theo tin của báo San Jose Mercury News (California), năm người thuộc tổ chức "Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam" của ông Hoàng Cơ Minh đã bị bắt ngày 22-4-91: đó là các ông Hoàng Cơ Định (cựu Vụ trưởng Vụ Tài chánh), cùng vợ là bà Hoàng Phan Hà, ông Nguyễn Tấn Bình (Vụ trưởng Vụ Tài chánh), ông Nguyễn Kim Hườn (Tổng vụ trưởng Tổng vụ Hải ngoại) và ông Phạm Duy Cần (cựu phụ tá vụ trưởng Vụ Tài chánh). Tất cả đã được tại ngoại hầu tra sau khi đóng tiền thế chân và nộp sổ thông hành. Vấn theo bài báo, bản cáo trạng buộc tội những người này đã chuyển tiền quyền góp được của đồng bào vào trương mục riêng, đồng thời đầu tư vào các tiệm Phở Hòa. Họ cũng bị buộc tội trốn thuế. Dư luận trong cộng đồng người Việt tại Mỹ xôn xao nhiều về vụ này, nhiều người xem đây là một vụ án có màu sắc chính trị, nhưng giới chức Mỹ trách nhiệm hồ sơ này đã hoàn toàn bác bỏ cách suy diễn trên.

## Tin ghi nhanh

### \* Ngân sách: báo động

Một bài báo viết trên tờ Tuổi Trẻ Chủ Nhật ngày 14-4-1991 cho biết mức thiếu hụt ngân sách hiện nay có thể từ 5 đến 7.000 tỷ đồng, tương đương từ 7 đến 8% tổng sản lượng quốc gia. Tác giả bài viết, Hoàng Ngọc Nguyên, đề nghị gia tăng nỗ lực truy thu thuế và thắt lưng buộc bụng, nhiều bài báo khác cũng có luận điệu tương tự, hô hào dân chúng tích cực đóng thuế vì thuế là đòn bẩy để phát triển kinh tế và phát triển đúng theo hướng xã hội chủ nghĩa...

Cuốn quyền cộng sản biết rất rõ gánh nặng ngân sách hiện nay là do duy trì một đội ngũ khổng lồ đảng viên, cán bộ và chế độ bao cấp.

### \* Nghệ Tĩnh: chết vì hồng ngọc

Từ khi có tin một vài người tìm được hồng ngọc (ruby) hồi tháng 10-1990, hàng trăm ngàn người đã đổ xô tới làng Châu Bình, tỉnh Nghệ Tĩnh tìm ngọc và hằng ngày có những cuộc chém giết, bắn lộn lẫn nhau để giành đất và tìm đá quý. Trong hai tháng qua, hơn 70 người đã thiệt mạng vì hồng ngọc. Trong thực tế, số người chết có thể cao hơn vì có nhiều người chết vùi trong hầm

mỏ không tìm được xác hoặc do bệnh tật mà chết. Hàng ngàn quán ăn đã mọc lên và hàng chục ngàn gái mãi dâm đã đến. Giá đất tại đây rất cao: 50.000 đồng/m<sup>2</sup> (tương đương 6 USD).

### \* Thái Bình: phụ nữ bị bán

Trong năm 1990 có 31 phụ nữ bị bán sang Trung Quốc, có 16 người đã tìm được đường trở về Việt Nam. Những phụ nữ này được bán với giá từ 850 đến 900 nhân dân tệ (160 đến 170USD). Người ta ước lượng có tới hàng trăm phụ nữ đã bị bán trong những năm qua. Họ được những đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ.

### \* Vĩ tuyến 17: đói

Mười tám năm rồi, tiếng bom đạn gầm rú chết chóc đã lặng tắt nhưng người dân Vinh Linh vẫn chưa thôi trần trở với những nỗi khổ. Ông Trương Đình Sơn, chánh văn phòng huyện ủy, cho biết hiện nay nhân dân trong toàn tỉnh đang đói nặng. Trong toàn tỉnh có từ 50 đến 60% hộ nhịn ăn, 20 đến 30% hộ thiếu ăn. Gạo không những không có mà cả khoai lang, khoai mì cũng không còn, người ta đang ăn bất cứ cái gì để cầm đói.

Tại Vinh Quang, một vùng tương đối trù phú nhất trong tỉnh, có 40% hộ dứt bữa (nhịn đói), 50% thiếu ăn, chỉ 10 đến 15% hộ còn có ăn. Tại các xã miền núi, dân chúng đói quay quắt, trẻ em bụng ỏng da chì, hàng trăm người phải kéo nhau đi xuống đồng bằng xin ăn. Dịch bệnh lan tràn do thiếu ăn, bệnh bướu cổ và sốt rét hoành hành rất dữ. Năm 1990, 45% dân chúng mắc bệnh sốt rét. Trẻ em không có sức để đến trường, các trường học đều đóng cửa. Có người phải cưa cột nhà làm củi mang ra chợ bán.

Năm 1990, Việt Nam xuất cảng 1,4 triệu tấn gạo.

## Giới thiệu sách

### \* Tiếng nói của lưu vong Việt Nam

Nguyệt san tiếng Pháp Hommes & Migrations, số ấn hành tháng 4/5-1991 chọn "Lưu Vong" làm chủ đề với sự đóng góp của nhiều ngòi bút thuộc ba lục địa để thiết lập một hồ sơ lưu vong. Việt Nam hiện diện qua ba ngòi viết: Lê Hữu Khóa, Linda Lê và Trần Thanh Hiệp. Lê Hữu Khóa tường trình về một công trình nghiên cứu xã hội học đang tiến hành về thân phận người cầm bút lưu vong. Linda Lê góp ý với các nhà văn quốc tế về hiện tượng lưu vong qua kinh nghiệm bản thân. Trần Thanh Hiệp nêu lên những nét đặc thù của văn học lưu vong Việt Nam. Nguyệt san Hommes & Migrations số 1142-1143 (Avril-Mai 1991) có thể hỏi mua tại các tiệm sách lớn FNAC, PUF ở Paris, của các Trường Đại Học hay tại báo quán 40, rue de la Duée, 75020 Paris.

### \* Châu Á trong khói lửa

Etudes Polémologiques là một tạp chí nghiên cứu chiến tranh do Viện nghiên cứu Chiến tranh Pháp phát hành mỗi tam cá nguyệt. Số 52 (tháng 4-90) có phần nghiên cứu các cuộc chiến tranh tại Châu Á từ 1945 đến 1990 của ông Bùi Xuân Quang, giám đốc nhóm nghiên cứu về Châu Á tại đại học Paris X-Nanterre. Ông Quang trình bày và phân tích các cuộc chiến tại Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Pakistan, và đặc biệt là ba cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1945-54), lần thứ hai (1955-75) và lần thứ ba (từ 1975 đến 1990 vẫn chưa chấm dứt). Tạp chí dưới dạng sách khổ 15 X 24, tiếng Pháp, bán tại La Documentation Française, 124, rue Henri Barbusse, 93308 Aubervilliers Cedex. DT 4839 5600.



# Con nhện vương tơ

Đặng Tiến

Nghệ thuật, gắn liền với thời đại, cụ thể là với đời sống vật chất của từng xã hội. Nghệ thuật sinh hóa, biến thể và có khi biến mất. Các bộ môn văn nghệ dân gian, gắn liền với sinh hoạt nông nghiệp và xã hội nông thôn dần dần lùi vào dĩ vãng của từng dân tộc một. Ca dao, dân ca Việt Nam cũng chịu chung quy luật đó.

Thế hệ chúng ta còn may mắn tiếp xúc với dĩ vãng của dân tộc qua những văn bản ca dao, những làn điệu ghi âm, hay vài ba buổi trình diễn. Nhưng cái không khí dân gian thì đã xa xăm. Điệu hò mái đẩy nào nùng tiếng sương, lời chào già bạn nửa đêm về sáng và tiếng hò lơ trong rừng trầm rừng đước, chúng ta còn được nghe những điệu hát đã tách rời ra khỏi không gian. Chúng ta còn những đêm rằm mà đã mất ánh trăng.

Loạt bài này rú rề bạn trở về với ca dao, suy nghĩ thêm về những lời thơ quen thuộc, qua vài ba chủ đề. Thủ bắt đầu bằng hình ảnh, thân phận người phụ nữ.

\*

*Đêm khuya ra đứng bờ ao  
Trông cá, cá lặn; trông sao, sao mờ.  
Buồn trông con nhện vương tơ,  
Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai?  
Buồn trông chênh chếch sao mai  
Sao ơi sao hỡi, nhớ ai sao mờ...*

Khuya. Thời gian sâu thẳm nhất của tâm tư. Nó khắc khoải hơn buổi chiều; buổi chiều thương nhớ mong manh, cô đọng lắm thì cũng chỉ "tan thành lệ". Khuya là những tra vấn dấn vật, những hoang mang, những đau buồn vô vọng. Khuya là lúc duy nhất người phụ nữ sống với chính mình sau một ngày dài lao động và chịu đựng, khuya là thời gian mà ý thức về thân phận xoáy sâu vào tâm tư người phụ nữ, đối diện với chính mình:

*Anh buồn còn có chỗ thở than  
Em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya*  
Ý thức thân phận ở đây là đóm lửa nhỏ nhoi hắt hiu trong bóng đêm dày đặc, đang tắt dần, tắt dần, một cách tuyệt vọng và bất khả kháng. Cũng có những canh khuya trong sáng và rộng thoáng hơn:

*Sáng trăng sáng cả đêm rằm  
Nửa đêm về sáng trăng nằm đọt tre  
Anh có yêu em cho trọn mọi bề  
Để em thấp thỏm ngồi kề bóng trăng*  
Canh khuya ở đây có ánh sáng của hy vọng, của đợi chờ, nhưng đặc biệt là niềm lo sợ, hoang mang của người đàn bà thụ động, không bao giờ làm chủ được đời mình.

Đêm khuya, có lúc gợi lên những cảm xúc, những thèm khát nhục thể - thì nó lại càng tha thiết hơn:

*Người về để áo lại đây  
Để canh khuya em đắp kéo ngọn gió tây lạnh lùng...*  
*Đêm khuya gió lọt song đào  
Chồng ta đi vắng, gió vào làm chi...*

*Đêm khuya ra đứng bờ ao...*(cũng có người đọc "Đêm qua...")

Bờ ao. Sao lại bờ ao? Đây là khung cảnh lao tác ban ngày của người phụ nữ: giặt giũ, rửa ráy... Ban đêm nó là nơi hoang vắng nhất trong một góc vườn và người phụ nữ không có quyền hưởng những giờ thanh vắng: một là phải lao động, hai là phải sống với kẻ khác. Muốn chút yên tĩnh để thành thơ hay suy tư, không dễ tìm nơi:

*Thương chàng lấm lấm chàng ơi  
Biết nơi nao thanh vắng mà ngồi thở than  
Ở trung bộ lời hát còn da diết:  
Cực lòng Lan lấm Huệ ơi  
Biết nơi mờ thanh vắng mà ngồi thở than  
Ở đây, nàng phải chọn bờ ao, khuất nẻo:  
Thiếu chi cam rim hồng rim anh không chuộng  
Anh đi tìm trái khế rụng bờ ao...*

Và trong bối cảnh câu ca dao, bờ ao diễn tả niềm hoang mang cùng cực của người phụ nữ, bờ ao là ám ảnh cõi chết. Ao nhà, không nhất thiết phải sâu, vẫn là biên giới, là cái bờ của vực thẳm, như đêm nào đó đã quyến rũ niềm tuyệt vọng thẳm khốc. *Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ...* Tiếng gào rất hiện đại, và hiện sinh, ném vào bóng tối của vũ trụ; và vũ trụ đã câm nín tàn nhẫn. Không một động tịnh, một âm thanh, một tia sáng nào đáp lại những gào gọi trầm thống của con người về thân phận mình, từ mấy ngàn năm nay. Ở đây, là câu hỏi của người đàn bà nông thôn bên bờ ao, nơi khác là của nàng cung nữ, là của cô Thúy Kiều, và tiếng kêu thương của họ đã va vào bức vách im lặng tàn bạo của vũ trụ, một vũ trụ *đành hanh quá ngán: trông cá cá lặn, trông sao sao mờ...*

*Buồn trông con nhện vương tơ...*

Biểu tượng của tình yêu, chờ mong, mơ ước, vẫn thường gặp trong ca dao, nhất là trong quan họ:

*Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần*

*Làm thân con nhện mấy lần vương tơ*

Hình ảnh con nhện có lẽ là rất xưa trong văn thơ ta, vì nó đã có trong truyện Hoa Tiên giữa thế kỷ XVIII của Nguyễn Huy Tự (câu 1157):

*Một thân xưa đã quyết thắm*

*Nhện vương để mấy phen làm nữa vay*

Bản Hoa Tiên do Nguyễn Thiện nhuận sắc, đầu thế kỷ XIX (câu 1227):

*Thôi duyên đâu nữa mà nhảm*

*Nhện vương lại mấy tơ tầm nữa đây*

Trong Kiều, khi quan phủ muốn trả Kiều về lầu xanh, nàng trả lời:

*Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần*

Có nhiều lối giải thích câu này. Nhưng tơ nhện, tơ tầm - những hình ảnh quen thuộc của nông thôn - tượng trưng cho tình duyên, có lẽ là hợp lý nhất.

Nghệ thuật bốn câu sau, không nằm ở từ pháp, mà ở cú pháp:

*Buồn trông con nhện vương tơ,*

*Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai?*

*Buồn trông chênh chếch sao mai*

*Sao ơi sao hỡi, nhớ ai sao mờ...*

Cách lặp lại mấy chữ ở đầu câu, là một mỹ từ pháp thông

thường (anaphore). Trong ca dao:

*Buồn về một nỗi tháng giêng*

*Mây áo cổ kiềng, sấm sửa cho trai*

*Buồn về một nỗi tháng hai*

*Cờ bạc dong dài, nói dối mẹ cha*

*Buồn về một nỗi tháng ba...*

Ở đây, hai chữ "buồn trông" lặp lại làm nổi bật những chủ luận láy khác: bốn lần gọi "nhện" và gọi "sao" với lời vọng thế thiết "sao ơi sao ơi", "nhện ơi nhện ơi...". Những từ "ơi, ơi" liên tiếp nhau gọi lên bi kịch trong bóng đêm của người phụ nữ. Kiều, lúc tuyệt vọng, cũng gào gọi như thế.

*Ơi Kim Lang, hỡi Kim Lang*

*Thời thời thiệp đã phụ chàng từ đây*

Ơi là gọi gần, có khi là gọi thăm, hỡi là gọi xa, hay gọi cái gì đó đã mất mát. Khoảng cách từ *ơi* đến *hỡi* xa tít tắp trong không gian và có khi mịt mù trong tâm tưởng. *Nhện ơi... sao ơi* là đối thoại với ngoại vật, *nhện hỡi... sao hỡi* là tiếng nói lạc loài không có đối tượng. Trong văn chương, ta có nhiều *ơi*, nhiều *hỡi*, nhưng ít khi có kết hợp *ơi hỡi*, khi đảo ngược thành *hỡi ơi*, tính bi thiết lại càng rõ, như trong Nguyễn Bính:

*Hỡi ơi trời đất vô cùng rộng*

*Nào biết tìm đâu một mái nhà*

*Nhện chờ mới ai?... Nhớ ai sao mờ. Chờ ai đâu, là nghi vấn; người phụ nữ không biết, và tự hỏi tơ duyên nào sẽ đến với đời mình. Nhớ ai thì nghĩa khác; cô biết rõ, rất rõ là nhớ ai, chỉ không thổ lộ ra đấy thôi:*

*Nhớ ai ra ngân vào ngơ*

*Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai*

Chữ *mới* trong *mới ai* ám chỉ một tình duyên chưa thành tựu, và khó thành tựu, qua những câu hỏi thời thúc. Mơ ước mong manh mà tha thiết; thương nhớ mong lung mà da diết. Câu ca dao tuyệt vời ở chỗ dịu dàng, thăm thiết mà đau xót. Cô lo sợ, cho tình yêu, cho duyên phận, trong một xã hội mà cô không có quyền quyết định số phận:

*Thân em như mảnh lụa đào*

*Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai*

Thời đại nào, xã hội nào rồi cũng vậy thôi: hạnh phúc người phụ nữ vẫn mong manh. Khi hẹn hò với Kim Trọng, hoàn cảnh khách quan còn thuận lợi, Thúy Kiều đã lo lắng:

*Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn*

*Khuôn thiêng biết có vương tròn cho chăng*

Với Thúc Sinh, nàng e ngại ngay tình cảm của chàng Thúc: *Lòng kia giữ được thương thường mãi chăng?* Thậm chí làm vợ vua rồi mà nàng cung nữ còn than *duyên đã may cơ sao lại rui*.

Về niềm lo sợ trong tình yêu, ca dao Trung Bộ có câu rất hay:

*Hòn đá xanh rong vì dòng nước chảy*

*Hòn đá bạc đầu là bởi sương sa*

*Em thương anh không dám nói ra*

*Sợ mẹ bằng đất sợ cha bằng trời*

*Sợ vàng mây bạc giữa vời mau tan*

Trong tình yêu, cô gái sợ mẹ sợ cha, đã đành. Nhưng đặc biệt là sợ chính cuộc đời, sợ chính cái hạnh phúc của mình nó cũng mong manh như áng phù vân. Niềm hoang mang có khi hoảng hốt đó hiện qua một bờ ao khuya khoắt. Bên kia màn tơ nhện ánh mắt mờ đi:

*Đêm khuya ra đứng bờ ao...*

\*

Tôi rủ rê bạn chuyển bên sang một bờ tư tưởng khác. Ánh mắt *buồn trông* của cô thôn nữ bên bờ ao, sẽ truyền sang cái nhìn của cô Thúy Kiều, một chiều Ngung Bích:

*Buồn trông cửa bể gần hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa (a)*

*Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu (b)*

*Buồn trông nội cỏ dầu dầu*

*Chân mây mặt nước một màu xanh xanh (c)*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi (d)*

Có lẽ do ảnh hưởng truyện Kiều (đầu XIX) mà trong Bích Câu Kỳ Ngộ (giữa XIX) chàng Tú Uyên cũng *buồn trông* như thế (câu 495-502):

*Buồn trông quăng vắng điu hiu*

*Gió lay nhẹ lá, móc treo nặng cành*

*Buồn trông cửa bể mộng mênh*

*Con thuyền thấp thoáng cuối ghềnh ngồn ngang*

*Buồn trông cuối phố Hành Dương*

*Cánh hồng tăm tắp, hạt sương đầm đĩa*

*Buồn trông theo giải Tô Khê*

*Chim kêu bụi rậm, trâu về đồng không*

Vấn đề tiên quyết: Nguyễn Du mượn ý ca dao hay ngược lại?

Ta có thể chọn giả thuyết đầu, vì ca dao, thỉnh thoảng có mượn thơ Kiều, thì là những câu ngắn, có tính cách tục ngữ, đại khái như: *người đâu gặp gỡ làm chi; đau đớn thay phận đàn bà, chủ không mượn phong cách một đoạn dài để chế biến thành bài thơ khác. Các cô hát ả đào có khi mượn một đoạn Kiều dài để hát, nhưng không thành ca dao. Ngược lại, Nguyễn Du đã kể lại, một cách tự hào, là ông học cách làm thơ dân gian của những người "trồng dâu trồng gai" và trong Kiều có rất nhiều dấu vết của văn chương truyền khẩu. Và cái tài của Nguyễn Du trong đoạn này, có thể là vô tiền khoáng hậu, là đã đưa âm vang ca dao vào tám câu lục bát mà ông... dịch từ bốn câu thất ngôn chữ Hán, và không theo trật tự nguyên tác của Thanh Tâm Tài Nhân. Trong Kim Vân Kiều Lục, Thúy Kiều có làm "nên vài bốn câu" như sau, mà tôi đánh dấu a' b' c' d' để người đọc dễ so sánh với bản dịch của Nguyễn Du:*

*Nhập song tân thủy tắm khê hoa (b')*

*Phụ thảo đà lam tứ vọng xa (c')*

*Cận hải trào than hư tọa thấp (d')*

*Cách thành phàm ảnh phật lan là (a')*

(Sau đó Sở Khanh mới làm thơ trả lời

*Lâu ngoại thủy gia thành mấn hoa...*

*Cô ả nhà ai ngồi ở ngoài lâu...)*

Nêu lên điển tích này để chứng tỏ một nét tài hoa đặc biệt của Nguyễn Du mà tôi chưa được nghe ai nói đến. Tài hoa đó nhất định phải có học hỏi và trau dồi, chứ nhất định không thể do cao hứng mà đạt đến nét thần tình - virtuosité - như vậy.

Bây giờ chúng tôi thử giả thuyết về niên đại câu *Ra đứng bờ ao*: nhất định nó phải ra đời trước truyện Kiều, có lẽ vào thế kỷ XVIII, vì trước đó câu thơ lục bát chưa được lưu loát và trau chuốt như vậy. Từ vựng cũng chưa đơn giản và gần gũi chúng ta như vậy. Nó có những âm vang luyến láy như những câu ca dao thời Lê mà Trần Danh Án thời Tây Sơn đã ghi lại trong *Nam Phong Giải Trào*:

*Ngày đi trúc hây còn măng*

*Ngày về trúc đã cao bằng ngọn tre*

*Ngày đi lúa chừa chia về*

*Ngày về lúa đã vàng hoe đầy đồng*

*Ngày đi em chừa có chồng*

*Ngày về em đã con bằng con mang*

Hai câu cuối này đã đi vào truyện Kiều:

*Duyên em dù thấm chỉ hồng*

*May ra khi đã tay bông tay mang*

Trong *Nam Phong Giải Trào*, Trần Danh Ân còn ghi lại những câu nào nùng, bi thiết, cùng với giọng *nhớ ai sao mờ*, nói lên niềm cô đơn của người góa phụ:

*Lạnh lòng thay lảng giềng ơi*

*Lảng giềng lạnh ít sao tôi lạnh nhiều*

Trong giả thuyết bài *Đêm khuya ra đứng bờ ao ra đời thời Lê* mặt thì nó soi rọi thêm ánh sáng vào thân phận người đàn bà thời ấy, qua *Chinh Phụ Ngâm*, *Cung Oán Ngâm Khúc*, *Ai Tư Văn* và *Kiều*; và qua người đàn bà, là thân phận con người nói chung, đang bắt đầu ý thức về quyền sống, về hạnh phúc. Khi nàng cung nữ thốt lên:

*Quyền họa phúc trời giành mất cả*

*Chút tiện nghi chẳng trả mặc ai*

*Cái quay búng sẵn trên trời*

*Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm*

thì lời phản kháng đã vượt số phận của một cung nhân, thậm chí của người đàn bà nói chung, nó vươn đến tầm định mệnh của con người bị xã hội, lịch sử và cuộc đời dày xéo. Người đàn ông, trong xã hội đó, không có cơ hội hay duyên cớ để phản kháng, chàng chỉ *thét roi cầu vị ào ào gió thu*. Hoặc đi học, đi thi, làm quan, cưới vợ như Kim Trọng, Vương Quan; hay lãn la chơi bời như Sở Khanh, Thúc Sinh, cùng lảm thì nổi loạn như Từ Hải, được việc thì thành Quang Trung, thua trận thì thành Quận He, Quận Hèo.

Họ có thể *đọc ngang nào biết trên đầu có ai*, nhưng không biết đứng tự lập như một cá nhân, *đọc lập trước xã hội*, và cất vấn cuộc sống trong thế đối lập *cảnh đày người đày lương đoạn trường*. Từ Hải khinh một phường giá áo túi cơm, nhưng không phản đối hệ thống giá trị xã hội, như một người đàn bà đương thời là Hồ Xuân Hương, về cái quyền của người phụ nữ không chồng mà chửa. *Không có, nhưng mà có, mới ngoan*. Nhất định bà phải dựa vào câu ca dao:

*Không chồng mà chửa mới ngoan*

*Có chồng mà chửa thế gian sự thường*

\*

Tôi trở lại người phụ nữ của tôi, người *trông cá cá lặn, trông sao sao mờ*. Người ấy tra vấn cuộc sống, đòi hỏi cuộc sống phải trả lời về quyền làm người, quyền yêu đương, quyền hưởng hạnh phúc. Và câu ca dao nằm trong tư trào lớn lao của con người thời Lê mặt, là thế kỷ XVIII.

Năm 1944, Nguyễn Đình Thi, lúc đó hai mươi tuổi, có viết một bài nhan đề "*Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích*", trong đó ông có bình luận về bài ca dao nói trên, gọi lên "*một nỗi buồn lạnh mạnh, khôe khoăn, nỗi buồn thành thực của những người ham sống, một nỗi buồn trung hậu*". Khát vọng tình yêu trong ca dao, là "*yêu để được thêm mạnh mẽ, yêu để sống được thêm hăng hái, tranh đấu được thêm vững bền, chứ không phải yêu để mà đắm đuối trong tình yêu và quên lãng hết cuộc sống*". Dù rằng, trong ca dao, chúng ta cũng có nhiều câu rất đắm say, ướm át:

*Khăn thương nhớ ai*

*Khăn rơi xuống đất*

*Khăn thương nhớ ai*

*Khăn vắt lên vai*

*Khăn thương nhớ ai*

*Khăn chùi nước mắt*

*Mắt thương nhớ ai*

*Mắt ngủ không yên*

## Độc giả viết

Nhân một đêm nằm không ngủ được, tôi đọc lại Thông Luận số 22 tháng 12/89, thấy Thụy Khuê có kể vài mẩu chuyện về Phan Bội Châu. Tôi xin mạn phép đóng góp thêm và ghi ký ức lại hai câu điệu của ông khóc vợ:

*"Tráp niên dư, cầm sắt bất tương văn, khổ vũ thể phong, nhật dữ hải nhi huy huyết lệ,*

*Cửu tuyên hạ, thân bằng như kiến vấn, di sơn điền hải, thiên nhai lão hán ốc không quyền".*

Tự dịch:

*"Hăm mấy năm cầm sắt khéo xa nhau, mưa sậu gió thấm, chỉ bóng làm chông, ngồi ngắm đàn con rơi lệ nóng,*

*Dưới chín suối thân bằng như có hỏi, lấp biển đời non, nào ai giúp bác, chỉ còn mình lão múa tay không".*

Có một văn nhân đã gửi hai câu này để phúng viếng bà Phan:

*"Nghe nói bà, gian truân hiền phụ, chồng vắng nhà lo tính đủ trăm đường, chồng đó tề nhà còn đó tề, đầu bể cuộc tàn, vùi đất nghìn thu khôn nát ngọc,*

*Nhấn hỏi ông, thất bại anh hùng, vợ với nước yêu thương cùng một mối, nước như rửa vợ chừ như rửa, giang sơn khí uất, kêu trời một tiếng muốn quăng gươm".*

Những câu trên đây phải được nghe người vốn gốc ở vùng Nghệ Tĩnh ngâm lên, ta mới có thể cảm thông được tất cả nỗi bi thảm và thống thiết.

Tiện đây xin tặng nhà báo bốn câu thi tập cổ, để biểu đồng tình với lập trường của Thông Luận, do bốn tác gia khác nhau:

*Thông Luận như hà khá Luận Thông* (phỏng theo Tự Đức)

*Đân bi bất kiến cửu châu đồng* (Tống Lục Du)

*Quang âm thúc hốt thời nan trái* (Nguyễn Trãi)

*Thế sự hồi đầu dĩ nhất không* (Phan Chu Trinh)

Vì đoán không đủ chỗ in trọn, tôi có nhờ nhà báo giữ nguyên bản chữ Hán, cùng các lời giải nghĩa và chú thích ra Việt văn. Vị độc giả nào lưu ý và muốn tìm hiểu sâu rộng thêm, xin viết cho ban biên tập, để nhận được bản sao trọn bài.

**Đặng Ngọc Nhạ** (Cannes, Pháp)

*Mắt thương nhớ ai*, hôn phối với *nhớ ai sao mờ*, nhiều thế kỷ sau vẫn còn lưu truyền trong mạch máu Việt Nam, và pháp phòng trong nhịp đập của những trái tim yêu đương trên những bước đạp dồn của dân tộc lao mình vào lịch sử, mà chúng ta còn nghe thấy trong bài "*Nhớ*" của Nguyễn Đình Thi (1954) mà chúng tôi trích toàn văn đề - một lần nữa - tặng những người đẹp còn chịu khó đọc Thông Luận - và những bài làm cảm như bài này.

*Nhớ*

*Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh*

*Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây*

*Ngọn lửa nhớ ai mà hồng lên đêm lạnh*

*Sưởi ấm lòng chiến sĩ dưới ngàn cây*

*Anh yêu em như anh yêu đất nước*

*Vết vả đau thương tươi thắm vô ngần*

*Anh nhớ em mỗi bước đường anh bước*

*Mỗi tối anh nằm, mỗi miếng anh ăn*

*Ngôi sao trong đêm không bao giờ tắt*

*Chúng ta yêu nhau chiến đấu suốt đời*

*Ngọn lửa trong rừng bập bùng đỏ rực*

*Chúng ta yêu nhau kiêu hãnh làm người*

1.5.1991

**Đặng Tiễn**

## Sổ Tay

### Vấn đề cao cả

Tôi không thích viết về những đề tài như "nam nữ bình quyền", "phái tính", "vấn đề phụ nữ", "thiên chức của người mẹ", "vai trò của người phụ nữ trong xã hội"... chung quy chỉ tại lúc cầm bút, mình không có cái tật hỏi: mình là ai? là đàn bà hay là đàn ông? Viết là viết. Thế thôi. Vì không hỏi thế, nên cũng không bao giờ mình đặt những vấn đề dớ dẩn như "vấn đề của người đàn ông", "thiên chức làm cha", "vai trò người nam trong xã hội".

Nói như thế không phải là đàn ông họ không có vấn đề. Khi họ đặt vấn đề cho phụ nữ, họ tự xóa mình, họ đứng lên trên vấn đề, nhìn xuống các vấn đề: họ cao cả, và xã hội phụ quyền đã cố gắng hiện họ những điều kiện thuận lợi để đàn ông tự thấy mình cao cả.

Về phía phụ nữ, khi chấp nhận "vấn đề phụ nữ", "thiên chức làm vợ và làm mẹ", cũng giống như khi nói đến các "vấn đề nhi đồng", "vấn đề dân tộc thiểu số", là họ đã chấp nhận "thế yếu", chấp nhận sự lường gạt quyền lợi bằng mỹ từ, chấp nhận sự bất bình đẳng, chấp nhận sự đờ hộ, chấp nhận một cách vô tư và vô ý thức.

\*

Tôi xin trở lại chuyện khi viết, người cầm bút không mấy ai tự hỏi: mình là đàn ông hay đàn bà? Tại sao vậy? Tại vì tư tưởng không có giống - không phân chia giống đực và giống cái.

Tư tưởng, trái với thế xác: thế xác có giống đực và giống cái. Cấu tạo sinh lý của con người chia chúng ta làm hai phái. Dù muốn dù không, không ai có thể chối cãi được: sự thua kém về sức lực của phái nữ trước nam giới đưa đến sự bất bình quyền.

Bất bình đẳng trên phương diện thế xác đã đưa đến bất bình đẳng trong xã hội. Và từ đó nam giới chi phối xã hội, bảo toàn xã hội, thiết lập trật tự xã hội và lên giọng kẻ cả - lên giọng cao cả - che chở cho đàn bà: người ta dùng: "nhà văn nữ, nữ bác sĩ", không thấy ai nói "nhà văn nam, nam bác sĩ"... vì cái gì thuộc nam phái cũng hiển nhiên, còn thuộc nữ phái (dù nhiều, dù hiếm) cũng không hiển nhiên, cần phải... nâng đỡ, khuyến khích.

\*

Nói như thế, không có nghĩa tôi phủ nhận xã hội phụ quyền, vì ai cũng biết người đàn bà thừa hưởng một số đặc quyền, đặc lợi: phù phiếm như đi đâu có phái nam mở cửa, nhường trước... (nếu họ không quên), thiết thực như được tránh những công việc nặng nhọc, được miễn lính... và trong một số vấn đề luật pháp: tố tụng, bắt bớ... xã hội nhân nhượng hơn, khi phán xét người đàn bà.

\*

Việc bắt Dương Thu Hương ngày hôm nay, đặt tôi trước một vấn đề nan giải. Tôi không nhắc lại những vi phạm nhân quyền, những đàn áp tư tưởng... những khía cạnh

hiển nhiên vì xã hội cộng sản vi phạm mọi quyền tự do của con người.

Tôi nói đến khía cạnh thiết thực hơn, thế xác hơn, vật chất hơn, vì chúng ta đang ở trong một xã hội có truyền thống triết lý duy vật.

Nước ta, một xã hội phụ quyền lý tưởng: trên dưới sáu mươi triệu người, ngót nghét một triệu binh hùng tướng mạnh, đuổi Pháp, đánh Mỹ, mà nay bắt một người đàn bà, liều yếu đào tẩu, nhốt giam.

Một người đàn bà tay không với trời, chân chẳng đạp đất, trước mắt quần hùng thế giới, trước mắt bao nhiêu ức triệu hiền nhân quân tử của nhân loại.

Những người hùng đánh Mỹ đuổi Tây ấy nghĩ gì về cán cân sức mạnh? Về áp lực thế xác giữa người và người? Về hành động đúng đắn oai hùng của mình?

\*

Cái tự hào dân tộc ở đâu?

Khi một triệu binh hùng tướng mạnh, thay vì đứng lên lật đổ cường quyền và bạo lực, lại cúi đầu tuân lệnh sự độc tài áp chế để bắt trời một người đàn bà không khí giới, không tội lỗi?

\*

Ồ! Sự cao cả đôi khi đồng lõa và đồng nghĩa với sự đê hèn và vô liêm sỉ.

Thụy Khuê

25-4-1991

### Toàn tập các bài tham luận Hội Luận Dân Chủ Đa Nguyên Paris, 27-10-90

Sách khổ 13 x 20 cm, 411 trang, bìa 2 màu, có phần phụ lục hình ảnh ngày hội luận.

Đã phát hành tại Hoa Kỳ ngày 24-04-91.

Phát hành tại Paris ngày 06-05-91 (250 cuốn).

Giá ủng hộ: 150 F (kể cả cước phí bưu điện).

Quý vị muốn mua xin liên lạc với tòa soạn (không để bán trong các tiệm sách).

### THÔNG LUẬN

#### Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages  
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 130 FF hoặc tương đương

Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương

(nếu được, xin dùng personal check)

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin dùng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó